

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--------------------------------------|-----------------|
| — Chính thể đại nghị | PHAN ANH |
| — Văn chương trong hội họa | TÔ NGỌC VÂN |
| — Xã-hội Việt-Nam từ thế kỷ thứ XVII | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Dấu cũ Loa Thành | NG. VĂN HUYỀN |
| — Đọc lửa thiêng của Huy Cận | TRƯƠNG CHÍNH |
| — Mỹ từ Pháp trong văn chương | |
| Pháp và văn chương Việt-Nam : | |
| Nhạc điệu trong thơ | VŨ BỘI LIÊU |
| — Danh văn ngoại quốc: Thanh niên | |
| lập chí Tôn dật Tiên | PHAN QUÂN dịch |
| — Bức thư của bà Nữ-hoàng (truyện | |
| dịch) | PHẠM GIA KÍNH |
| — Bạn đọc dịch : Khuyên bạn | NG. VĂN HÀ dịch |
| — Mặt trận Đại-tây-dương | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Đọc sách mới | |

Báo THANH-NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG
CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN
CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 16 Novembre 1942

- | | |
|--|-------------------|
| — Nhân cuộc cải-cách giáo-dục ở Pháp, một vài ý-nghĩ . . . | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Cuộc tiến hóa của chế độ tư bản ở Âu Mỹ | VŨ VĂN HIỀN |
| — Chính-thể độc-tài | PHAN ANH |
| — Một cuộc tranh-biện về vấn-đề xã hội — sử nước Tàu. . . | ĐẶNG THÁI MAI |
| — Lược khảo về sự ăn-uống của người Việt-Nam | NGUYỄN ĐÌNH HẢO |
| — Tư-tưởng về nghệ-thuật (của Osca-Wilde). | DIỆU ANH dịch |
| — Một nhà văn Mỹ ở Á-dông: Lafcadio Hahn | LÊ HUY VÂN |
| — Lối điệp-ngữ trong văn-chương Pháp và Việt | VŨ BỘI LIÊU |
| — Mặt trận Đại-tây-dương | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Xã-hội Việt-Nam từ thế kỷ thứ 17 | NGUYỄN TRỌNG PHẦN |
| — Đọc sách mới | L. H. V. |

BÁO THANH-NGHI SẼ IN LẠI NHỮNG SỐ CŨ

Chúng tôi nhận được rất nhiều những bức thư của các bạn đọc gửi về yêu cầu chúng tôi in lại những số Thanh nghị cũ. In lại những số đó (từ số 1 đến 15).

Đề tạ lòng hân mộ của các bạn, chúng tôi đang trù tính in lại những số đó vào khoảng cuối năm tây này.

Bài vở sẽ ghép lại và sắp đặt thành đề mục. Tất cả các số cũ bỏ những quảng cáo đi, sẽ đóng thành như một cuốn sách, giá bán chỉ xin đủ tiền giấy và tiền in. (vào khoảng 5 hay 6\$00)

Vậy các bạn đọc và đại lý nào muốn mua bao nhiêu cuốn xin cho biết ngay. Khi nào số đặt mua tới số dự định rồi, chúng tôi sẽ bắt đầu công việc ấn loát. — Thanh-Nghị.

SẮP CÓ BÁN BÀI HÁT

PHỤNG MỆNH QUÂN VƯƠNG
BẢN THỨ HAI
CỦA BỘ VIỆT NAM NHẠC PHỔ

SÁCH MỚI

Charle Maurras của Phạm Quỳnh nhà in A J. S. Huế xuất bản Tòa Thông tin phủ Toàn quyền gửi tặng.

Chuyện quê của Trần Tiêu nhà xuất bản Lượm lúa vàng giá 1\$00.

Jésus christ của nhà xuất bản Lượm lúa vàng giá 0\$60.

Chuyện vô lý của Lãng nhân nhà xuất bản M ở giá 1\$20

Được tin trong Nam Kỳ, Ông Đặng ngọc Anh mới cho xuất bản tờ tạp chí Tây Á ra mỗi tháng 2 kỳ. Tập mới đã ra ngày 20 octobre 1942.

Xin có lời chào bạn đồng nghiệp và giới thiệu cùng bạn đọc.

T. N.

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$00 mua
VÉ SỔ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

CHÍNH THỂ ĐẠI NGHỊ

PHAN ANH

TA có thể tóm tắt định-nghĩa chính-thể đại nghị ở hai yếu tố sau này :

1-) Quyền lập-pháp giao cho một hội nghị do dân cử.

2-) Quyền hành-chính giao cho một hội-đồng tổng-trưởng do hội-nghị trên kia ứng-chuẩn.

Người ta thường nói rằng : chính-thể đại nghị là một chính-thể, trong đó, cơ-quan hành-chính, hội-đồng tổng-trưởng chịu trách-nhiệm trước nghị-viên lập-pháp, như thể nghĩa là nội-các phải được tín-nhiệm của nghị-viên, hễ mất tín-nhiệm ấy tức thì phải từ-chức.

Xem thể thì biết cơ-quan lập-pháp có một thể lực rất mạnh, cho nên ở nước Anh là đất tổ của chính-thể đại-nghị, người ta thường nói : « nghị viên làm gì cũng được, chỉ trừ ra làm đàn-ông hóa thành đàn-bà. »

Chính-thể đại-nghị, khởi thủy xuất-hiện ở nước Anh, sau « nhập cảng » sang nước Pháp. rồi sau cuộc Đại-chiến 1914-1918, lan ra nhiều nước khác ở hoàn-cầu : như một cây nho giồng ở đất khác nhau, sinh ra mỗi nơi một thứ quả hoặc chua hoặc ngọt tùy theo thủy thổ từng nơi. Chính thể đại-nghị cũng thế, đem ra thi-hành hiệu-nghiem ở mỗi nước một khác tùy theo,

Thông chế PÉTAIN đã nói :

Các người cần nhất chẳng nên ngã lòng, vì dù bản chức được quyền như vậy, thì đã ngã lòng từ lâu rồi. Bản-chức sẽ gánh việc lớn cho đến khi hoàn thành và mong rằng ai ai cũng nối theo gương đó.

lâm-lính, phon, tục cùng là trình-độ tiến bộ của dân-tộc.

Chính-thể đại-nghị ở nước Anh. —

Chính-thể lập hiến của nước Anh có thể tóm tắt ở mấy đặc-điểm sau này :

1-) Đứng đầu cơ-quan hành-chính là Anh-Hoàng, truyền ngôi theo thế-hệ trong Hoàng gia — Nhưng thực ra, thì Anh-hoàng chỉ có vị mà không có quyền, chỉ đại-diện cho quốc-dân chứ không có trách-nhiệm về hành-chính. Trách-nhiệm hành-chính hoàn toàn ở tòa nội-các nghĩa là trong tay vị thủ-tướng — Vua chỉ có một địa-vị về tinh thần, như là quốc-kỳ, rất cao-quý, rất thiêng-liêng nhưng không có một thực-quyền gì. Ông Joseph Barthelemy, hiện là tổng-trưởng bộ tư pháp của nước Pháp có vị vua nước Anh với những bùa thánh giá ở trước cửa nhà hay là những hình thiêng khắc ở mũi thuyền, tàu — Ông Bernard Shaw, một kịch-gia có tiếng ở nước Anh, về thế kỷ 19, cho ra mắt khán-giả một vị vua tự mình giới thiệu rằng « Ta chỉ là một đóa hoa - hồng mà hoàng-hậu cũng chỉ là một bắp-cải. »

2-) Quyền lập-pháp giao cho hai viện : Thứ dân viện (chambre des Communes) và quý-tộc-viện (chambre des lords).

Thứ dân viện có hơn 600 nghị viên do toàn-thể dân cử ra, và trong nước bất cứ đàn ông hay đàn bà, hễ đến 21 tuổi giở lên đều có quyền bầu cử — Quý-tộc viên có chừng 700 vị phần đông, là những nhà quý-phái có chức vị thế truyền. —

Về thể-lực và quyền hành thì Thứ-dân viện chiếm hẳn phần hơn, và ở một vài trường hợp thì dự như về tài-chính thì viện ấy có toàn-quyền. —

Vì thế cho nên, một vị thủ-tướng nếu được đa số thứ dân viện tín nhiệm thì có thể cầm quyền hành-chính, và những vấn-đề quan trọng như việc phế-lập nội các phần nhiều đều do thứ dân viện định-đoạt.

3-) Ở nghị-viên thường thường chỉ có hai chính đảng quan-trọng tu tranh, cho nên hễ một đảng đã chiếm được đa số trong nghị-viện thì cầm quyền hành-chính mãi mãi cho đến khi có cuộc tái cử đem thắng số cho đảng kia — Vì thế mà nội-các thường được vững-lau không bị thay đổi luôn luôn như lũ hề trò múa rối, —

Chính-thể lập-hiến của nước Anh, với ba đặc-điểm kể trên, không phải bởi một học-giả hạc một phái học giả nào sáng tạo ra. Nó là sự uấy

~~ta của~~ may trăm nam nên-sử, nó là phản-ảnh của tâm-tinh mấy triệu dân sinh hoạt giữa nơi mặt-bề chân-giới.

Vua có vị, nhưng không có quyền : là vì trong một đoạn lịch-sử ly kỳ của nước Anh, Vua là một người ngoại-quốc không am hiểu việc nước Anh, thậm chí tiếng Anh cũng không biết, nên không thể dự hội-đồng nội-các mà bàn quốc-sự

Vị Anh-hoàng ly - kỳ ấy, tức là Georges 1er người Đức, trị vì từ 1714 đến 1727. Đến vua Georges II nối ngôi cũng không có gì đặc-sắc, vua Georges IV thì bị truy-lạc trong sắc dục, rồi đến triều-chính của một vị nữ-hoàng là bà Victoria — trong ngót hai trăm năm lịch-sử, cái nếp « hữu vị vô quyền » ấy đã thành mỗi ngày một sâu. — đến công-nhiên trở nên một điều-lệ khắc trong hiến-pháp nước Anh. —

Quyền-hành thi ở Nghị-viện mà nhất là ở Thứ-dân-viện; đó cũng lại là một nền nếp của lịch-sử tạo thành. Anh-hoàng từ đời trung-cổ, đã căn dựa vào những địa-chủ thứ-dân, để lấy tiền vì những bầy-tôi quý phái ít quá, cung phụng không đủ — Vì thế nên ngay từ thế kỷ thứ 14, thứ-dân-viện đã có đặc quyền được khơi thảo về vấn-đề tài-chánh — đến thế kỷ thứ 16, họ Tudor lên ngôi, chủ-trưởng Tân-giáo, phải dựa vào thế-lực thứ dân để đàn-áp quý-tộc... Những nguyên-nhân lịch-sử ấy đã xây đắp cho thứ-dân nước-Anh một nền tảng quyền lợi rất hiếm có ở hoàn-cầu.

Cho đến nghị-viện chỉ có hai chính đảng quan-trọng, cũng lại là một sự cấu tạo của lịch-sử : hai đảng bảo-thủ và tự-do bây giờ, cũng bởi hai phái Whigs và Tories mà ra. Và hai phái này đã có từ mấy trăm năm về trước : phái Whigs chú-trọng quyền dân và vụ tự do; phái Tories chú-trọng quyền chính phủ và yêu cầu kỷ-luật — Trong mấy trăm năm hai phái ấy lần lượt cầm quyền hành chính — Khuôn mẫu ấy còn để đến ngày nay. —

Mà dân Anh giữ được cái khuôn mẫu, nền nếp của lịch-sử để lại cũng là nhờ ở bản tính bình-lĩnh và thiết-thực của họ.

Vì bình-lĩnh và thiết-thực nên họ có toàn-quyền chính-trị mà vẫn kính trọng vua, họ có quyền mà họ không lạm quyền, họ chỉ cần giữ được thực quyền là đủ —

Vì bình-lĩnh và thiết-thực nên họ không chia năm bè bảy đảng, họ không cả giận ai mà bỏ, không cả nghe ai mà theo và họ biết rằng sức mạnh ở sự hợp-quần —

Với tinh-tinh ấy, với lịch-sử ấy người Anh đã thực-hành chính-thể đại-nghị một cách hoàn toàn ít nước nào theo kịp —

Chính-thể đại-nghị ở các nước ngoài. Chính-thể đại-nghị đem thí-nghiệm ở các nước ngoài kết quả mỗi nơi một khác — Xin lấy thí-dụ ba nước ; Pháp, Đức và Thổ :

A, — ở Pháp trước 1940 hiến-pháp đại-khải tương tự như hiến-pháp của Anh, duy có hai điều khác : 1.) đứng-dầu cơ-quan hành-chính là một vị giám-quốc do hai viện thứ-dân và Nguyên-lão bầu lên. 2.) ở nghị-viện có rất nhiều chính-đảng.

Về điều thứ nhất, tuy Anh và Pháp có khác nhau, một bên vua, một bên giám-quốc, nhưng kỳ thực kết quả thi-hành cũng giống nhau : nghĩa là hoặc vua, hoặc Giám-quốc, đều không có thực-quyền, thực-quyền hành chính ở trong tay thủ tướng —

Về điều thứ hai, sự khác nhau rất quan trọng : ở Pháp vì nhiều chính đảng quá, nên không đảng nào cầm-quyền được lâu, nội các thay đổi luôn-luôn — Từ năm 1919 đến 1939, có tới 40 lần thay-đổi nội-các ; từ 1924 đến 1926 7 lần, từ 1932 đến 1934 sáu lần —

Nội-các thay đổi luôn, tức cơ-quan hành-chính không được mạnh, công việc ở chính phủ không được nhanh.

Nhưng đối với nước Pháp, trong thời kỳ thế-giới thái-bình, chính-thể ấy vẫn duy-trì được, vì nước Pháp là một nước phù-cường, quốc-dân sung-túc việc nội-trị không cần cải-cách, và ngoại-giao lại đứng bậc-nhất hoàn cầu : nếu chỉ cần giữ lấy một địa-vị hiện đã có, người ta không cần đến một chính-phủ cường-quyết, một cơ-quan hành-chính có thế-lực.

Trái-lại ở những nước còn bần-nhược, cần phải có những cuộc cải cách nhanh-chóng, thì cơ-quan hành-chính phải có nhiều quyền, chính-phủ phải có thế-lực —

Vì thế mà chính-thể đại-nghị đem thi hành ở Đức và ở Thổ đã biến hình một cách bất-ngờ —

B. — Nước Thổ (Turquie) là một nước « cũ », sau hồi Au-chiến 1914-18 đã đập-đổ chế-độ quân-chủ chuyên-chế mà theo chính-thể đại-nghị như các nước thái-Tây — Hiến-pháp Thổ giao quyền hành-chính cho một vị thống-lĩnh và quyền lập pháp cho viện dân-biểu.

Nhưng trái với những vị quốc trưởng đương thời ở các nước Thái-Tây, Thống-lĩnh Thổ lúc bấy giờ là Mustapha Kemal có một tư-cách đặc biệt ông lên cầm-quyền, tuy vẫn theo hiến-pháp

nhưng đối với cơ-quan lập-pháp đã chiếm-hần phần hơn ; dĩ chỉ có người coi ông như một nhà Độc tài —

Nhưng kỳ thực, hành-động của ông vẫn trong vòng hiến-pháp, nghĩa là vẫn dựa theo nguyên tắc chính-thề đại-nghị : quyền hành ông nhiều thế lực ông mạnh, là chỉ bởi tư cách đặc biệt của ông đem ra áp dụng với tình thế, cải tạo xã-hội, đem nước Thổ nghìn năm tê-liệt biến thành một nước Thổ mới có thể chen vai thích cánh với các cường quốc.

Công-cuộc cải cách ấy xong, ông lại giao cho người nối chân ông một hiến-pháp vẹn-toàn, căn-cứ vào chính-thề đại-nghị : hậu-bối sẽ có thể thi-hành chính-thề đại-nghị được là vì bước đầu khó khăn ông ta đã đạt qua —

C. — ở nước Đức chính-thề đại-nghị không gặp được những cơ-hội may như hai nước trên. Sau hồi Au-chiến trước, nước đức cộng-hòa lập một hiến-pháp đại-nghị mà người ta gọi là hiến-pháp Weimar —

Trong nước, vừa bại trận, biết bao nhiêu nỗi khó khăn, biết bao nhiêu cuộc cải cách phải

thi hành, thế mà chính-phủ cộng-hòa đương thời rất nhu nhược —

Đứng trước những sự khó-khàn, người Đức nhận thấy chính-thề đại-nghị không hợp với thời cục : bởi thế nên sau mấy năm thi-nghiệm không thành công, chính-thề đại-nghị đã bị trào-lưu quốc xã cuốn mất —

Lược qua lịch sử chính-thề đại-nghị của mấy nước kể trên ta có thể tạm nhận rằng :

1-) Chính-thề đại-nghị có thể rất hay, nếu cơ quan hành-chính có đủ thế lực mà hành-động.

2-) Muốn cho cơ-quan hành-chính có thế lực, tất cần phải có người đương-chức lỗi lạc (như ông Clémenceau ở Pháp, ông Kémal ở Thổ), hay nếu không thì phải có một trường hợp đặc biệt như nước Anh là chỉ có hai chính-đảng quan-trọng lần lượt thay nhau cầm quyền —

3-) Ở những nước phong-phủ cơ-quan hành-chính có thể bất lực mà ít hại (trừ trong lúc chiến tranh); trái lại ở những nước suy nhược cần cải tạo chính-phủ phải có nhiều quyền-hành để mưu cuộc sinh tồn của quốc-gia.

PHAN ANH

CÁC NGÀI LƯU Ý TRONG LÚC

Dùng chè ĐỒNG-LƯƠNG

Chúng tôi nhận được thư của nhiều bạn hàng và các nhà sành trà báo cho chúng tôi biết hiện nay có rất nhiều thứ chè làm giống như chè ĐỒNG-LƯƠNG và có nhiều kẻ tự xưng là người của hiệu ĐỒNG-LƯƠNG mang những thứ chè rất xấu dỏ đi bán rao khắp nơi nữa.

Vậy chúng tôi xin nhắc đề các bạn hàng yêu quý của chè ĐỒNG-LƯƠNG rõ: **TỪ 20 NĂM NAY CHÈ ĐỒNG-LƯƠNG KHÔNG BAO GIỜ CHO ĐEM ĐI BÁN RAO NHƯ VẬY.**

Và trong lúc chúng tôi nhờ pháp luật dò xét trừng trị bọn vô lương tâm đó, chúng tôi ước mong các ngài nếu thấy một kẻ nào mạo nhận là người của chúng tôi cho đi bán rao trà thì xin vạch rõ cách hành động dè hèn của chúng trước quý ngài để trừ tiết những kẻ khôn nạn dùng lối cạnh tranh hen mặt, ngu dại làm phi tiếng hàng nội hóa và làm cản trở sự tiến bộ của nền công nghệ Việt-Nam. Chúng tôi lại mong các ngài mỗi khi mua trà xin đến thẳng Tổng-cục chè ĐỒNG-LƯƠNG ở số nhà 40 PHỐ HÀNG NGANG HÀOÍ hoặc các Đại-lý chè ĐỒNG-LƯƠNG ở khắp các tỉnh thì sẽ không bị nhầm và bị lừa dối

CHÈ ĐỒNG - LƯƠNG kính cáo

ĐỀ GẦN HỘI HỌA

HỘI-Họa và văn-chương vẫn thường đi đôi với nhau trong những cuộc biến đổi tư-tưởng của từng thời. Hai giới văn-chương và Hội-Họa gặp nhau ở khu tình cảm và tư tưởng, một bên lấy văn thể, một bên dùng HÌNH, SẮC để diễn tả tâm hồn của người và vật. Ở thời nào, văn-sĩ, họa-sĩ cũng như gần nhau hơn người các giới khác. Những nhà bình-phẩm mỹ-thuật sáng suốt của Pháp từ Didelot cho đến Beaudelaire đều là nhà văn. Lịch sử Tàu cho ta biết một số không ít họa-sĩ đại tài kiêm thi-sĩ, họa-sĩ cảm hứng vì một bài thơ mà phác thành những bức tranh tuyệt tác, và thi sĩ vì họa phẩm gợi nguồn thơ mà cảm đề vào tác phẩm. Ở Âu-Châu, riêng nước Pháp, nhất hội phong

trào lãng-mạn, văn chương và hội Họa chưa từng bao giờ sát cạnh nhau đến thế. Những họa-sĩ như Girodet hay những bậc kỳ tài như Delacroix không những tìm cái cảm hứng mà lại rút cả dầu đề các họa phẩm của mình ở văn phẩm của Chateaubriand, của Goethe, của Lord Byron, của Walter Scott...

Còn ở nước ta — nói chuyện bây giờ — tuy chưa thấy nhà văn nào kiêm họa-sĩ, song có nhiều họa-sĩ không viết văn nhưng làm văn trên họa phẩm. Hay nói cho đúng làm văn ở cái dầu đề, nghĩa là dùng những dầu đề rất văn thơ (nhiều khi rẻ tiền) để gọi tên những bức tranh lắm khi không liên lạc gì đến dầu đề. Ta thấy ở phòng triển lãm nọ một bức vẽ cái nhà lá dưới, nắng gắt với mấy lời chú giải của tác giả «chiếc nhà danh và một trại tị nạn» một cảnh dân dồn được họa sĩ tặng cho... hử «nhớ thương». Lại một cô thiếu nữ ngồi trợn ngược mắt nhìn trời, có vẻ «ngộ cảm» hơn là «đa cảm» tác giả dán ngay cho cái nhãn hiệu «mơ màng».

Còn những tiếng gì sẵn sàng đề gợi ý thơ mà những họa sĩ đó chưa dùng! Trong nghề họa người ta lấy tên hiệu «họa sĩ văn chương» (peintre littéraire) hàm nghĩa chê trách mà chỉ họ. Nhà bình phẩm Beaudelaire lại có một tên không

VĂN CHƯƠNG TRONG HỘI HỌA TÔ NGỌC VÂN

được thơ lắm, kêu là «những con bú rù làm tình cảm» (les singes du sentiment) đề mỗi khi viết đến họ thì dùng.

Không phải ở xứ ta riêng độc quyền về loài bú dù ấy. Ở Pháp, hội phong trào lãng-mạn đang thịnh, giống đó cũng sinh ra lắm. Cái lỗi chung của loài là tưởng, muốn một họa phẩm gợi ý thơ văn, chỉ cứ việc dùng những dầu đề văn thơ là đủ, không đếm xỉa gì đến nghệ thuật không cần chính mình phải mang tấm lòng mạnh cảm xúc với tri thông mình soi sâu vào nguyên cốt của vạn vật.

Văn biết có nhiều tình cảm mà chung văn-chương và hội-họa cũng diễn tả được. Song lời văn với HÌNH, SẮC không phải bao giờ hiệu lực cũng giống nhau. Nền nhiều vẻ nhiều ý mà chỉ

riêng văn chương hay riêng hội họa mới diễn nổi, một thí dụ; cách đây vài năm, một ông họa sĩ tàu bày tranh ở Hà Nội có pho trưng một bức vẽ một ông già Tàu chống tay ngồi, trên tranh tác giả chưa nghĩ rằng ông già đang than: «Trời hỡi! sao Trời không cứu nước Tàu!». Nếu chúng ta bỏ lời chưa đi, bức tranh còn lại gì? «một ông già tàu mỗi lưng» hay «một ông già ngồi rồi»? Ta nghĩ đến những dầu đề ấy hay dầu đề nào khác nữa, chứ không bao giờ lại tưởng tới ý muốn tả của tác giả, cái ý «ông già ngồi than nước Tàu Trời không cứu» mà đến các ông thánh trong hội họa cũng chịu không biết lấy HÌNH, SẮC nào tả nổi.

Bởi vậy, những bậc họa sĩ đại tài như Delacroix, tuy tìm cảm hứng trong văn phẩm, song đã khéo chọn những dầu đề thuận tiện cho nghệ thuật hội họa. Xét như thế, thì tả nổi ý định văn chương trong hội họa, là vì đã biết đặt ý ấy vào phạm vi hội họa, phạm vi của Hình Sắc và như thế, cái ý văn chương chỉ có thể ở Hình với Sắc mà phát tiết ra chứ không ở dầu đề. Thật là luẩn quẩn! Thì ra một bức tranh thêm cái ý

(Xem tiếp trang 28)

XÃ - HỘI VIỆT - NAM

TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẦN

(Bài thứ sáu)

VI. — Mariny

1) Những Sản-vật của xứ Bắc-Kỳ.

Không nên lấy làm lạ khi ta thấy trong một xứ đất cát phì nhiêu và nguyên liệu phong phú như thế, dân sự biếng nhác và thiếu óc kỹ sảo. Thật ra (cũng) có rất ít người thích việc công thương, cam lòng rời bỏ quê hương để đi ra ngoài, quan sát những đất lạ, biết chiêu dụ người ngoại quốc đến xứ mình. Có sống trong sự thiếu thốn, ta mới thấy cần có sảo nghệ, lo vượt qua nỗi cơ hàn, đi hết góc bể chân trời để thông thương và thu vét của cải. Còn dân này trong nước đã sẵn có-có thừa thãi, mọi cái cần thiết nhất cho đời sống thì có cần gì đi ra xa để làm nguy cho tính mệnh và mang gian châu về-vào mình, cũng vì thế nên bây giờ ta mới biết xứ này.

.... Người Đông Kinh đã khôn ngoan, khéo léo từ khi người Bồ-đào-nha, Hòa-Lan và các nước lân cận đến buôn bán. Họ biết buôn không phải vì túng thiếu; nhưng vì lợi, vì tiền. Hơn nữa, họ cũng đủ lý trí để học rất mau những lễ lối, những mảnh khóc trong nghề buôn để khỏi bị phỉnh gạt.

Trong xứ không có xa phu; không có những xe bò xe ngựa tiện lợi, cũng không có thuyền tàu để lại trên mặt biển: bởi vì họ sẽ bị nghi là tự ý phá sản khi đem xuất cảng những thực phẩm, những tơ mới quay hay đã dệt, hoặc những thức hàng khác để kiếm lời. Họ chỉ bán ra vài thức hàng làm bằng đủ mọi chất dùng trang hoàng hay có công dụng riêng. Hàng nhập cảng thì có nhiều thứ trong xứ đã sẵn có như gạo, lúa mì, rau, đậu, cá, cầm thú, hoa quả đủ mọi giống và đủ các mùa vải dệt bông, lụa, tơ gổ đủ các kiểu, kim khí đủ các loại tại các mỏ trong xứ.

Từ trước đến giờ, Quốc vương không cho khai các mỏ vàng; ngài vừa mới cho phép khai 25 hay 30 mỏ bạc một phần ở tỉnh Bao, một phần ở tỉnh Cuicanghe (Cao Bằng). Cũng có vài mỏ bạc trong địa hạt Bắc trấn vừa mới đào nhưng khi nào đức Vua cho phép mới được khai. Ngài giữ các mỏ kim ngân quý giá như vậy là tại ngài sợ ngoại quốc nghe thấy thì đến xin khai và chiếm mất, sợ

thần dân tranh quyền làm chủ những mỏ ấy và nổi loạn chống lại ngài.

Sắt và chì thì tha hồ khai vì ngài không lo giữ gìn như vàng bạc. Ngoài các mỏ nên kể việc mỏ trai. Nhưng bây giờ không còn ai mỏ nữa vì các vua trước đã chiếm giữ lấy cả món lợi. Ai còn muốn hi sinh tính mệnh trăm nghìn lần để làm việc khó nhọc ấy?... Về việc chài lưới tôi không thấy nơi nào sẵn cá như xứ Đông Kinh; ai ai cũng có lưới để bắt cá ăn tươi hay ướp muối.

Một nguồn lợi nữa thông thường hơn, khai thác không khó nhọc và nguy hiểm vì mọc sẵn trên đất là núi rừng, có nhiều thứ cây già hơn nghìn năm không mục nát được. Như gổ lim (người Bồ đào gọi là Palo Ferro, nghĩa là cọc sắt để chỉ rõ tính cách gổ nặng hơn ca gổ mun vì chìm xuống nước mau hơn; — sắc giống như sắt rỉ; — cứng như sắt đem búa đóng đánh tốt vào, thì một người khỏe đến đâu dùng tay không cũng không nhổ lên được, dùng kim thường nhổ cũng còn khó nhọc). Gổ lim kỵ với sắt: lim làm han và ăn sắt rỉ chóng đến nỗi trong những chiếc galions dùng đinh sắt đóng những xà và đường (solives) lim vào thành tàu, sắt rỉ, những phiến gổ ấy long ra. Nếu ta không trông nom và sửa chữa ngay thì tàu có thể vỡ ra và đắm được.

Ngoài ra còn nhiều thứ gổ cũng tốt như lim: nhà vua không cho phép dẫn nên ta không được đóng được tàu chiến đẹp bằng gổ mun. Mun không được nhiều, và tốt như mun Mozambique — Quế (Calambà, calambuco) mọc ở phía nam xứ Đông Kinh, ở phía bắc xứ đường trong và ở phía Nam xứ này chỗ tiếp - với Chiêm thành. Quế không được nhiều và tốt như quế Tích-Lan. Nhưng quế nam đắt hơn và rất được người Nhật chuộng dùng. Những người này thường nói giá chúa Nguyễn gửi sang Nhật bán thanh quế nặng 30 livres ngài giữ trong cung thì sẽ có nhiều người đem vàng can đánh đổi. Quế đắt thế nên có nhiều người đi kiếm. Nhưng vua cấm ngặt ai không có phép thì không được bóc mà có phép cũng phải chở qua cung vua, Quế thơm nhưng (muốn lấy quế) phải xông vào rừng sâu dày thú ác, nước độc khi thiêng. Thú dữ còn có bề chống giữ đề phòng; chớ nước độc khi

LOA-thành hiện nay còn dấu tích ở xã Cồ-loa huyện Đông-anh tỉnh Phúc Yên, Thành này là kinh đô của nhà Thục làm vua ở nước ta vào khoảng giữa thế-kỷ thứ ba trước J. C. Rồi băng đi hơn một nghìn năm, đến thế-kỷ thứ mười nhà Ngô tại dùng làm thủ đô 25 năm. Trải từ hồi đó đến nay lại thêm một nghìn năm nữa Cuộc đời dâu bể quốc-dô lúc thiên đến Long-biên, lúc dịch sang Đại-la, lúc thiên vào Hoa-lư rồi lại ra Thăng-long, rồi lại vào Tây-đô, rồi lại ra Thăng-long, rồi cục thiên vào Thuận-hoá! Ngoài hai nghìn năm nay trải bao cơn binh hỏa thủy đạo mà hai tiếng Loa-thành còn vắng vắng trong tâm-hồn người Việt mình, thử hỏi thành ấy ngày nay còn gì là di tích cũ nữa không!

Cứ theo trong sách *Lĩnh-nam trích quái* (1) thì thành này là linh-tích của một ông vua sáng-nghiep của một cặp tâm-hồn trai trẻ.

« Vua An-dương nước Âu-lạc là người [đất] Ba-thục, họ-Thục tên là Phán (2).

« Nguyên trước tiên tổ cầu xin con gái Hùng-vương [là] Mỹ-nương làm vợ. Hùng-vương không cho. Sinh ra oán. Phán muốn thành trí trước cất quân đánh Hùng-vương, duyệt nước Văn-lang, đổi quốc hiệu là Âu-lạc mà lên làm vua (3). »

So đoạn *Lĩnh-nam trích quái* với các sách sử thì ta thấy trong *Khâm định Đại viêt thông giám cương mục* (trở về dưới gọi tắt là *Cương mục*) Tiền biên, quyển 1 trang 7 có chép: «... Xưa Hùng-vương có con gái là Mỹ-nương (4). Thục vương hay dấy, khiến sứ lại cầu hôn. Vua muốn cho nhưng Lạc-hầu ngăn rằng: « Kể kia muốn đồ ta. Việc hôn nhân này chỉ là giả danh vậy! » Vua bèn thôi. Thục-vương lấy việc ấy làm giận lắm, dặn lại con cháu về sau thế nào cũng phải

Dấu cũ L

duyệt nước Văn-lang (5). Đến đây cháu là Thục Phán có dũng lược, nhiều lần đánh vua Hùng. Hùng-vương quân kiên tướng mạnh mỗi khi ra trận đều đánh bại được dấy, nên tự bảo rằng: « Ta có thần lực, Thục chẳng sợ ta ru! » Bèn từ đây lấy rượu chè ăn uống làm vui, chẳng sửa sang vũ-bị. Quân Thục vào cõi mà vẫn đắm say chưa tỉnh. Kịp khi quân địch bức đến nơi vua bèn thỏ ra huyết nhảy xuống giếng mà chết. Quân chúng đảo ngược đảo mà xin hàng. Nước Văn-lang mất... Vua Thục được Văn-lang rồi, đổi quốc hiệu là Âu-lạc và đóng đô ở Phong-khe. (6) N. V. H.

(1) Sách này tục truyền là của ông Trần thế Pháp (không ai rõ sự nghiệp ông; có sách chép ông là người huyện Thạch-thất tỉnh Sơn-tây) biệt hiệu là Thúc-chi. Thục ra thì không biết sách này viết vào đời nào, Lý hay Trần. Mãi đến năm thứ 23 đời Hồng-đức (1492) hai ông Vũ Quỳnh (người làng Mộ-trạch Phủ Bình-giang tỉnh Hải-dương, đỗ Tiến-sĩ năm 26 tuổi. Hồng-đức thứ 9 (1478), quan đến Lễ-bộ thượng-thư. Ông có làm ra bộ *Việt giám thông khảo* 26 quyển) và Kiều Phú (người làm Liệp-hạ, huyện Ninh-sơn (bấy giờ là làng Liệp-tuyệt, huyện (Yên-sơn) thuộc Phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-tây, đỗ Tiến-sĩ năm 29 tuổi, Hồng-đức thứ 6 (1475) quan đến chức Tham chính) hiệu chỉnh lại và để tựa. Hiện ở thư-Viện Bắc-cổ Hànội có chín bản chép sách này: A 33, 749, 1200, 1200 1549 (bản này viết nổi vào cuốn *Bản quốc địa văn lục*), 1752, 1897, 1920 và 2107 Những bản này có nhiều chỗ khác nhau! Trước kia ông Nguyễn Hàm Chuẩn có khảo chính lại cho ba bản số A. 33, 749 và 1920 hiện bản thảo còn giữ ở Bắc-cổ học viện (số A. 750)! mong

oa Thành

NGUYỄN VĂN HUYỀN

nay có bạn nào dụng công nổi được trí ông mà so sánh lại, cho tất cả các bản hiệu còn lưu lại được ngõ hầu cũng giúp ích được một phần chắc chắn cho văn-học, sử học nước nhà.

Việc đắp Loa-thành có chép rõ ở truyện *Kim-quy* trong sách ấy (trừ bản số A. 1751 không thấy chép). Bài này viết căn cứ ở bản số A. 33; chỗ nào có khác các bản kia tôi sẽ khảo chính mà chưa ở dưới. Truyện *Kim-quy* chép số A-33 quyển 2 trang 8a-126; số A. 749 tr. 236-27a; số A. 1200 tr. 25a-28b số A. 1300 tr. 18a-20b; số A. 1897 tr. 59, 62b (trong bản này đề là Kim-quy cổ truyện); số A. 1920 tr. 21b-23b; số 2107 tr. 226-26a.

(2) Bản số A. 749 chép thêm chữ: nguyên (là người đất Ba-thục). Bản số A. 1897 chép: « Vua An-dương húy là Phán người (đất) Ba-thục ». Hai bản A. 1920 và 2107 không có câu này.

(3) Bản số A. 749 thay chữ oán làm chữ hàm nộ (ngậm hận); bỏ chữ dụ: (muốn thành trí...) cuối câu lại chép là: «... đổi gọi là Âu-lạc mà ở (cư) đấy. » Bản số A. 1200 chép rõ là: « con gái Hùng-vương danh (tên là) Mỹ-vương »; Nhưng cuối câu lại chỉ chép: « đổi gọi là nước Âu-lạc » Bản số A. 1549 cũng chép hai chữ « hàm-nộ » và «... mà ở đấy » như bản A. 749, nhưng chỗ « trí trước », tiền trí thay ra tiền trí. Bản số A. 1897 chép khác các bản trên: « Tỏ ngài cầu Mỹ-nương Vua Hùng làm vợ không được, đời đời lấy làm hiềm khích. Bèn ông Phán cử binh đánh Văn-lang mà chiếm đấy, dựng (nước) gọi là nước Âu-lạc » Hai bản số A. 1920 và 2107 không có câu này.

(4) Theo *Đại Viêt Sử Ký* (trở về dưới gọi tắt là *Sử-Ký*) Ngoại kỷ, quyển 1 trang 5 đời Hùng-vương « con gái vua gọi là *quan lang*; con gái vua là *mỹ-nương*; tướng văn là *lạc-hầu*, võ là *lạc-tướng*; các quan là *bổ-chính*... »

(5) Theo *Sử-ký* (Ngoại-kỷ, 9. 1 tr. 5-7); Nước Văn-lang của Hùng-vương phía đông đến bờ, tây đến Ba-Thục, bắc đến hồ Động-dinh, nam đến nước Hồ-tôn (tức là Chiêm Thành). Nước chia ra làm 15 bộ là Giao-chỉ, Chu-duyên, Vũ-ninh, Phúc-lộc, Việt-thường, Ninh-hải, Dương-toàn, Lạc-hải, Vũ-dĩnh, Hoan-hoan,, Cửu-chân, Bình-văn, Tân-hưng, Cửu-đức. Vua ở vào bộ Văn-lang... Sử-thần là Ngô thời Sĩ có bàn rằng: « Xét cương giới nước Việt ta tự Hán mới chia 7 quận 56 huyện làm bộ Giao-châu. Bắt đầu từ đây mới có chứng cứ mà khảo xét Các đời Tấn, Tùy về sau cũng có thay đổi. Đến đời Đường đặt 12 đạo Lĩnh-nam mà lấy An-nam biệt ra làm *Đo hộ phủ* gồm 12 quận 59 huyện. Tức là Giao-chỉ. Cửu-chân, Nhật-nam trong bảy quận đời Hán. Tự trung có nhân cũ đổi mới, tách chỗ họ thuộc vào chỗ kia mà cõi nước Nam ta đến đây mới định. Nay lấy các bộ của Vua Hùng đặt ra mà tìm trong địa chí các đời thì thấy ở *Đường-thư* có chép rằng *Giao-chỉ* và *Chu-duyên* thì thuộc quận Giao-chỉ; *Cửu-chân* thì thuộc quận Ái-châu; *Cửu-đức* và *Việt-thường* thì thuộc quận Hoan-châu; *Phúc-lộc* thì thuộc quận Đường-lâm; *Thang-toàn* thì thuộc quận Thang-toàn (Cựu-sử chép là Dương-toàn thì nhầm); *Ninh-hải* thì thuộc quận Lạc-châu; *Vũ-dĩnh* trước thuộc quận Giao-chỉ, Tùy đổi làm Longbinh. Lại ở *Đường-thư*: số huyện thuộc châu Vũ-dĩnh có ba là Nhu-viễn, Phúc-lộc, Đường-lâm, hoặc đương lúc bấy giờ lấy Nhu-viễn hoặc Đường-lâm làm Vũ-dĩnh, cùng với Phúc-lộc đều làm bộ. *Vũ-ninh* về thời Tấn thì là thuộc huyện của Giao-chỉ. *Tân-hưng* ở Phong-châu thuộc Giao-chỉ, đến thời Ngô mới chia ra đặt làm quận. Duy có *Lạc-hải* và *Bình-văn* thì chưa tường duyên cớ... » Xem thế thì bờ cõi nước Văn-lang cũng còn hàm hồ lắm; trong *Cương-mục* cũng chép là không biết đầu mà khảo-dinh cho tường được (Tiền biên q. 1 + 2. 30-4b). So với hai bài của ông Henri Maspero đăng trong *Bulle tin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient* (BEFEO): *Le Royaume du Van-lang*. T. XVIII (1918) N° 3 pp-1-10; *Le Protectorat d'Annam sous les T'ang*, T. X (1910) N° 3 pp 539-584; N° 4 pp. 665-682.

(6) So với *Sử-ký*, Ngoại kỷ q. 1 tr. 11a; và *Đại viêt sử ký toàn-thư* (trở về dưới gọi tắt là *Toàn-thư*) Ngoại kỷ 9. 1 tr. 3.

thiêng dù có đem thuốc giải trừ rất hay, không chết ở dưới chân cây, về đến quê nhà cũng ốm liệt giường liệt chiếu.

Rừng còn có cạp, gấu, lang, hươu, hoẵng, thỏ, lợn lòi, voi khỉ, và ít nhiều tên khác. Sừng tê giác rất được chuộng ở các nước lân-bang Trung Quốc Sừng tê dùng để giải độc nên ai có của cũng cố tích trữ được một cái (?) ở trong nhà nhất là tại các miền này, các dân thường có ác tục là bỏ thuốc độc hại lẫn nhau. Cũng có kẻ nói quả quyết rằng nếu giẫm phải gai chỉ cần đem tán một ít Sừng tê thành bột hòa vào với nước rồi dùng nước ấy rửa chỗ đau, thì không làm nhức buốt gì cái gai cứ tự nhiên lòi ra rất dễ dàng và chẳng đau đớn. Các vị quan tâu chức cao và làm của lúc

thết tiệc các bạn thân, chỉ rót rượu vào chén làm bằng sừng tê để tỏ ra rằng họ sang, để khỏi sợ say vì sừng tê có tính chất giải độc.

Cũng như ở nơi khác, dân Nam muốn thử xem sừng tê có tốt hay không, đem cheo thanh kiếm bằng một sợi dây rồi cầm sừng tê để gần kiếm; nếu tay chuyển sừng đi mà kiếm quay theo thì sừng tốt, nếu kiếm đứng yên thì sừng không có giá trị gì cả. Cũng có kẻ không thử thế chỉ xem nếu trong giữa sừng có vân vàng mọc tỏa ra đến khắp ngoài rìa thì cho là sừng tốt. Nếu sừng vừa có vân vừa làm quay được thanh kiếm thì họ sẵn lòng bỏ ra mấy trăm đồng vàng mà chuốc... Người Đông kinh, hơn người Trung Hoa còn biết dùng sừng tê làm cán gươm, chuôi dao để phòng hơi độc

của thuốc giải độc mà luôn luôn họ giắt trong người.

Họ cũng nuôi dê, bò, trâu. Ngựa nhiều nhưng còm, bé như ngựa Ba Lan. Ngựa mua ở các xứ lân cận vào đẹp lớn tốt hơn nhưng đã bị thiên rồi; Quốc chủ các nước này một là muốn giữ lợi, hai là sợ bán ngựa giống cho một nước một ngày kia có thể trở nên thù địch của mình, nên không muốn giống ngựa của mình có ở nước khác. Ngựa không bị móng vì đất ở vùng quê không có đá không hại chân. Họ cũng không dùng đinh thúc ngựa nhưng cầm roi lông. Họ cho rằng cưỡi ngựa mà ngựa không có nhạc đeo, thì người cưỡi ngựa thành lỗ bịch cưỡi như thế cũng không khác cưỡi bò.

Nhưng trong lúc để tang vua hay các thân quyến

của vua ai cưỡi ngựa có nhạc thì sẽ bị phạt một món tiền to.

N. T. P.

VỎ-ĐỨC-DIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

Cũng là vãn-vơ, nỗi buồn của Huy Cận không hẳn là nỗi buồn của tuổi hai mươi. Lòng ông quạnh-hiu, vũ-trụ bao-la, phải đau chỉ vì ông chưa hề « đón được c tí hương ân-ái » Huy Cận buồn những nỗi buồn chung của nhân thế: buồn tiễn đưa, buồn nhớ bạn, buồn nhớ nhà, buồn chuyện đời quạnh-quần. Ông còn mang thêm mỗi hận ngàn thu riêng của giống thi-sĩ (1). Nên những lúc thấy mình bơ-vơ, ông phải chiêm-niệm linh-hồn những người đồng loại, dòng thuyền mới giải-tỏ được ít điều tâm-sự.

Nỗi sầu ấy là một nỗi sầu mệnh-mang, bất-ngạt, không ngan-cản được.

(Sau thu lên vút song song)
đến một cách bất-ngờ và lam ngáy-ngất cả núi sông.
(Bỗng dừng buồn bã không gian,
Mây bay lững thấp giăng màn âm u.)

Cũng lại là một tình cảm không cỗi-rễ: rủa buồn, chiều buồn, nắng buồn, mưa buồn, không mưa không nắng cũng buồn... Nếu ai cắc-cờ hỏi cảnh trang phôi dầu bãi sao mà diu liu, cảnh sông dài trời rộng sao mà thê-lương, thì thi-nhân cũng khó lòng mà trả lời cho ổn. Người cũng chỉ dẫn được những cơ rất mơ hồ. Ta sầu nhiều bởi vì phố không cây, ta quạnh-quẽ bởi vì sông thiếu một chuyến dò ngang hay một chiếc cầu. Hoặc người cũng chỉ đành phỏng-đoán:

Ồi nắng vàng sao mà nhớ nhung?
Có ai đàn lẻ để tơ chùng?
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xuối bước chân đây cũng ngại ngừng...

NHỚ HỒ

Người buồn hay cảnh buồn? Người ai cảnh bàng-khuàng, hay cảnh khi người thương nhớ? Ai cơ ngờ chính đây, là cơ của vũ-trụ, ăn náu trong lòng người, trong lòng tạo vật và phát-lộ ra ở miệng thi-nhân.

Nhưng cũng may cho Huy-Cận. Chút lửa thi-ngh trong người trai mới lớn, không vì thế mà tắt lịm.

(1) Mang mang thiên cổ sầu. (Huy-Cận)

Hồ nhi tương xuất hoán mỹ tửu, 呼兒相出美湫酒

Dù nhì đồng tiêu vạn cổ sầu. 與雨同消萬古愁

(Lý-Bạch) (李白)

ĐỘC
« LỬA THIÊNG »
CỦA
HUY CẬN
TRƯƠNG CHÍNH

Huy-Cận còn thấy được xung quanh mình các hương-sắc trung-bưng, và không gian hồn-hậu. Những lời ông ca-tụng cuộc đời hiền từ nghe cũng chân-thành lắm:

Thời khắc đang di
nhịp thái bình.

Dịu dàng gió nhạt
thổi mây xanh;

Hàng cây mở ngọn
kêu chim đến,

Hạnh phúc xem
như chuyện đã đành.

Lần cụm hoa trời
rơi đáng buồn,

Nở chen hoa lá
tiếng vảnh khuyên.

Ngoài đường buổi sáng thơm hương mới,
Thú sống thêm mùi cỏ mới lên...

BÌNH YÊN

Lòng ông còn rung-động trước cảnh mai sương buông thưa, cảnh chiều thịnh trị, cảnh mùa xuân tươi mát. Ông còn biết đón những hạnh-phúc đơn-sơ, nằm im dưới gốc cây, trông lên chiếc thuyền lá trôi trên biển trời và để tâm hồn chơi vui trên cỏ biếc. Nguyên vì Huy-Cận có những giác-quan vô cùng linh-diệu. Lần đầu tiên người ta nghe nói đến « lòng trai thơm ngát », « lá thơm như thề da người » và mùi của tơ duyên, mùi của luống đất mới xới. Ông thu được cả âm-thanh thao-thức trong mạch đời, đoán được lòng cô thiếu-nữ nao nao, thấy được ý mùa rộn trong thân mới, nhựa mạnh uân trào nơi gót chàng trai, hay bắt gặp được.

Mùa tươi lên rún rẩy

Tơ tình hoa trẻ, cỏ chim non.

Các giác quan nhiều khi lại thay-thế cho nhau để được thêm phần tế-nhĩ:

Trí vô tư cho da thở hương tình,

Bởi vậy khi thu sống tràn-dầy khắp thế-gian máu thanh xuân cũng không dễ héo hon người thơ, và dầu muốn hay không người cũng phải

Đi bài đàn bỗng bôt của đời chung,

Thăm xuân ý trong nhịp người nhún nhảy.

II

Có điều, lòng lạc-quan ấy thì hồn nhiên mà nỗi sầu kia thì vương-vẩn. Cho nên tâm-hồn người dễ trở nên quạnh-hiu và lời tự-tình của người dễ biến thành những lời than-thở:

Hồn đơn chiếc như đảo rời dặm biển,

Suốt một đời như núi đứng riêng tây.

Lòng chàng xưa chốn nọ với nơi này,
Đây hay đó chỉ dựng chòi cô độc.

MAI SAU

Tình bạn và tình yêu không khuây-khoả được
một tấm lòng hay sầu-tư, hay thương nhớ. Huy-
Cận lẻ-loi giữa sự triu-mến và áo-não giữa cuộc
đời vui tươi :

Nay hằng còn đây ấm mặt trời,
Mà sao lòng lạnh tuyết băng rơi ?

BUỒN

Do đó lời thơ ông thường nhuộm giọng chán-
chường của người tuy biết đời vui mà thấy lòng
mình cứ bình thản.

Nhưng dầu không sống, Huy-Cận lại là người sợ
chết hơn ai hết. Bởi vì có gì cô-đơn, lạnh-lẽo bằng
một cái thân ma ? Chết tức là phải rời-bỏ nệm êm,
xa-lĩa thành-phố đang quen, để ra trơ - trọi một
mình giữa chốn đông không đông quạnh. Những
đêm mưa ướt, gió lạnh, biết ôm-ấp cùng ai chia-
sẻ nỗi hàn-huyên :

Lạnh lòng biết mấy tấm thân xương ?
Ấn ái xưa kia kiếp ngủ giường.
Đâu nữa tay choàng làm gối ấm ;
Còn đâu đôi lứa chuyện canh sương...

NGỦ CHUNG

Về sự chết, thơ Huy-Cận không rùng-rợn nhưng
rất thê-lương.

Những lời van-xin của ông nghe đã đau-đớn
chưa :

Bướm bay chi ? tay nhảy đã chia lìa ;
Tình gọi đó, nhưng lòng thôi bắt mộng.

CHẾT

hay là :

Xe tang đi, xin đừng chớ gặp ghềnh !
Không gian ơi, xin hẹp bớt móng mên,
Áo não quá trời buổi chiều vĩnh-biệt !
Và người nữa gió buồn thê thiết
Xin lặng giùm cho nhẹ bớt cô đơn.

NHẠC SẦU

và thâm-thương biết bao những lời an-ủi các cô-
hồn vợ-vất :

Chốn tránh bơ vợ chày ngủ lang,
Hồn ơi ! có nhớ giấc trần gian
Nệm là hơi thở, da: chấn ấm,
Xương cọ vào xương bớt nỗi hàn?

NGỦ CHUNG

Huy-Cận sống bằng cảm-giác. Ông suy-xét việc
đời theo cảm - giác. Thơ ông vì vậy dễ xúc - động
lòng ta.

Tuy nhiên, có hai địa-hạt ấy không thể dùng
cảm-giác mà đạt tới được : Tình yêu và tôn-giáo.

Tình yêu chủ ở trái tim. Trái tim có sôi-nổi,
tình yêu mới mặn-nồng. Cho nêp về tình yêu,
Huy - Cận chỉ có những bài thơ hiền-lành, dễ
thương chứ không xôn-xao, dăm-thắm. Ông vui
không cưỡng-quit, đau-khổ không xót-xa. Nỗi xầu
tình của ông cũng lại thi-vị nốt :

Nhưng chân đẹp vội rẽ đường trăm lối,
Gió bay qua thổi đưa tiếng cười chào.
Rồi một bữa dừng chờ người chẳng tới,
Ta thấy buồn cùng mọc với trăng sao.

BI CA

hay là :

Thủa xưa, Chừc Nữ buồn sông ngân,
Có kẻ ngồi thương ở dưới trần ;
Chạnh nỗi tương tư khôn giải tỏ,
Muốn sao bằng bạc sâu không gian.

HỒN XƯA

Chỉ những khi nhớ thương vợ-vần hay là than-
tiếc những cuộc tình-duyên chưa kịp bén, lời thơ
ông mới lại cảm-động :

Thôi đã tan rồi vạn gót hương
Của người đẹp tới tự trăm phương.
Tan rồi những bước không hò hẹn
Đã bước trùng nhau một ngã đường.

ĐẤU CHÂN TRÊN ĐƯỜNG

hay là :

Ôi ! những kẻ tôi chỉ chào một bận,
Chân xa mau lòng chưa kịp giao thân,
Trên đường tôi nếu trở lại vài lần,
Chắc ta đã yêu nhau rồi, — hẳn chứ...
Một lời nói nếu có gan ướm thử ;
Một bàn tay đừng lưỡng lự trao thơ ;
Một lúc nhìn nhau, đôi lúc tình cờ,
Chắc có lẽ đã làm nên duyên ái...
Yêu biết mấy nếu có lần gặp lại !

TÌNH MẮT (1)

Tôn-giáo thì chủ ở lòng tin-mộ. Huy-Cận không
có lòng tin-mộ nên thơ ông ấy thiếu bề thành-
kính. Ông cúi đầu trước Thượng-đế, cầu xin ơn
Thượng-đế mà lại còn dám nghi-ngờ tài-đức của
Người và thốt ra những lời vô lễ quá chừng :

Nếu Chúa biết bao nhiêu lòng hối hoảng
Trong sâu đen đã gãy cánh như dơi ;

Thì hẳn chúa cũng thẹn thùng hối hận (!)
Đã sinh ra thân thể của con người.

THÂN THỀ

Tội phạm thượng ấy làm sao mà thứ cho được.
Thì ai bảo chỉ mới « mỗi chạy theo tình » và chỉ
có những sự nhớ-nhung hồ đã vội vàng đến trước
Thượng-Đế kêu-than làm chi ! Hãy nhường chỗ
này cho những người xấu số hơn đương thực
quần-quại trong Đau-Khổ và Tủ-nhục. Tôi đang
nghĩ đến một thi-hác, Hàn Mặc-Tử, và dừng
bút lại đây, ôn ít cá đạo của người.

III

Điều đáng để ý là về nghệ-thuật, Huy-Cận tuy
hưởng-thụ nền học-vấn phương tây mà lại có một
cốt-cách rất á-đông. Thơ ông bao-la, vắng vẻ như
những bức tranh lâu, trong đó trời, mây sông
núi choán cả phần chính :

(Xem tiếp trang 23)

(1) Baudelaire cũng có một bài tương-tự : A une passante.
O toi que j'eusse aimée, ô toi qui le savais.

Nếu làm thơ chỉ cần biết tính dốt ngón tay đếm cho đủ chữ, và moi óc tìm vần đề hạ câu, thì hết thấy ai ai cũng thể là thi sĩ. Horace, nhà đại thi hào La-mã, cho rằng chỉ đáng danh hiệu ấy những bậc thiên tài, có một ánh thông minh xuất chúng, «miệng này lên những lời văn trác tuyệt». Thi sĩ, những người mượn ngọn bút muôn màu của nàng Ly Tao để đưa hồn ta đến tận bến Mơ, những nhạc công có cây đàn muôn điệu ca «vẻ đẹp u trầm đắm đuối hay ngây thơ, cũng như vẻ đẹp cao siêu hùng tráng của non nước, của thi văn tư-tưởng», nếu không có một nghệ thuật cao siêu thì sao sai khiến được lòng ta như thế? Không những họ trấn áp được lý-trí của ta, mà cả đến trí tuệ, tinh thần, cùng thân thể ta nữa, cũng bị họ chiếm đoạt, như nhờ Hippolyte Taine đã nói: «Tinh thần họ nhập vào thân kinh ta họ đối với ta như có cái thần lực của một bậc tiên tri.» Đó phải chăng là vì những thi sĩ có tài đã biết truyền lan được hết cái rung động của mình cho người đọc, bằng sự huyền diệu của màu và của tiếng, của hình ảnh, và nhạc điệu âm thanh?

Thơ tức là nhạc điệu. Thiếu nhạc điệu, thơ chỉ là một thứ văn xuôi trá hình, cũng như không hương không sắc, hoa nào còn gọi là hoa? Tại làm sao lý-trí tuy mịt mù trước một bài thơ bí hiểm của P. Valéry, tâm hồn ta cũng có thể khoan khoái như khi nghe một khúc nhạc du dương? Tại làm sao không hiểu được một bài thơ chữ nho, tôi cũng rung động khi thấy ngâm bên tai mấy vần trác tuyệt của Lý thái Bạch hay Tô đông Pha?

Cô tô thành ngoại Hàn Sơn Tự
Đạ bán chunh thanh đảo khách thuyền.
Hai câu Đường thi bất hủ ấy tôi được nghe thấy ngâm ngợi từ thuở nhỏ, và tuy hồi ấy tôi không biết qua một chữ nho, kỳ ức tôi cũng ghi chép ngay một cách rất dễ dàng. Đó há chẳng do kết quả lạ-lùng của âm hưởng thơ? Nhờ sự khéo hòa hợp âm thanh và vần điệu, nhờ thơ nhịp nhàng thánh-thot bên tai ta, thanh hưởng và nhạc điệu vang động và thấm nhuần đến tận đáy lòng ta, ta rung động vô tình tức khắc, tuy lý-trí nhiều khi chưa thông hiểu được hết nghĩa câu thơ.

«Trước hết, cần phải có nhạc điệu đã!» (De la musique avant toutes choses: Verlaine). Quan-niệm về thơ của phái «Tượng trưng» (Les Sym-

bolistes) bên Pháp chính là quan niệm của các nhà văn trong «Xuân thu nhĩ tập» bây giờ. Thơ cần phải có nhạc điệu, nhưng sách nào dạy phương-pháp tạo nên nhạc điệu trong thơ, cũng như sách nào dạy được ta trở nên một thi sĩ có tài? Đây là một việc thuộc về thiên tư: Thơ Virg le nhiều âm hưởng hơn thơ Lucrèce, thơ Racine êm ái hơn thơ Corneille, thơ Lamartine du dương hơn thơ Victor Hugo. Về phương diện đó, trong văn ta không ai bằng cụ Nguyễn Du.

Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.
—Gương nga chênh chếch dòm song,
Vàng rêu đầy nước cây lồng bóng sân.
Là là lá ngon đông lân
Giọt sương đeo nặng cành xuân la đà.
Một vùng cỏ ấy bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một và bông lau.

Những câu thơ êm ái vào bậc nhất trong thi ca Việt-nam ấy có thể đề ngang hàng với những vần thơ du dương nhất thế giới. Hỡi ai mang một khối óc thi nhân, hãy để tâm hồn rộng mở đón

NHẠC ĐIỂ

làn sóng thơ rồn rập tới từ phương trời Nhạc-điệu. Hãy lắng tai nghe nàng Kiều dặn em trước khi ly biệt: một mối sầu êm dịu thấm vào tận lòng ta. Dường như phảng phất đâu đây, giữa làn khói tỏa hồn người thiếu phụ: «khối tình mang xuống tuyến đài chưa tan»:

Mai sau dầu có bao giờ
Đốt lò hương ấy se tơ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề
Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai.
Đạ đài cách mặt khuất lời,
Vây xin chén nước cho người thác oan.
Bây giờ trâm gãy bình tan,
Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân.
Trăm nghìn gửi lạy tình quân,
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.....

Ảo não và êm đềm thay mấy câu thơ tả nỗi đau đớn người chinh phụ lúc tiễn đưa chồng:

Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,

Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dơ dớn buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
Nước có chảy mà phiền chẳng tả,
Cổ cơ thơm mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước dây dây lại dừng.

(Chinh phụ ngâm)

Ta phải tự hào rằng tiếng Việt-nam là một thứ tiếng chứa rất nhiều âm hưởng và đủ năng lực diễn tả được tất cả những tình cảm phức tạp trong lòng người. Nhưng bên cạnh những bậc đại thi hào ấy, có biết bao nhiêu «thợ thơ» đáng thương hại, làm hỏng mặt nàng Ly-Tao bằng những câu văn không có mấy may nghệ thuật. Nhiều lần tôi đã phải chau mày tự hỏi: Hồn thơ Việt nam đã đến ngày tiêu diệt rồi chăng? Sao có kẻ hạ bút viết được những câu như thế này:

— Dưới trời dặt một giống ma,
Quanh mình nhung nhúc trông mà sợ thay...
— Duyên tơ tóc trăm năm thề thốt,
Hẹn cùng nhau thờ một chữ từng v. ...

Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?

LƯU TRỌNG LƯ

Bài thơ này nhắc ta nhớ đến «Tiếng hát mùa thu» (Chanson d'automne) của Verlaine: cũng như Lưu trọng Lư, thi sĩ Pháp chỉ ghi chép những cảm giác về thính quan: Nào là tiếng đàn bi ai, tiếng chuông đồng hồ và cả tiếng lá vàng vi vu bay theo chiều gió.

Chanson d'automne:	Tiếng hát mùa thu:
Les sanglots longs	Đàn ai bi ai
Des violons	Réo rắt bên tai
De l'automne	Thững buôi ngày thu
Blessent mon cœur	Ta buồn ủ rũ,
D'une langueur	Hồn trí mê mê
Monotone.	Tim ta tái tê.

Tout suffocant	Chuông giờ vắng lặng
Et blême quand	Bồn bề im lặng
Sonne l'heure,	Cảnh vật buồn tênh,
Je me souviens	Nhớ lại ngày xanh
Des jours anciens	Tâm sự tươi rời

U TRONG THO'

VŨ BỘI LIÊU

May thay phong trào thơ mới đã sản xuất ra nhiều thi sĩ có tài: Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu trọng Lư, Huy cận v. v... đã viết nên nhiều bài thơ đầy nhạc điệu. Như bài «Tiếng thu» dưới đây thật là một áng văn đặc sắc. Đọc lên ta cảm thấy một thứ âm hưởng nhẹ nhàng thanh thoát. Từ trước đến nay các nhà thơ đua nhau khóc mùa thu: mỗi khi lá vàng rụng ứa, bức «khăn hồng» của những thi sĩ đã sâu lại tầm tã «giọt lệ thu». Họ thi nhau tả cảnh giờ thu âm-đạm, hơi may lạnh-lùng, nhưng chưa ai như Lưu trọng Lư cho ta nghe tiếng mùa thu thổn thức, lá thu kêu sào sạc, cùng tiếng con nai vàng đạp trên lá vàng khô.

MÙA THU

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thổn thức?
Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ trịnh phu
Trong lòng người cô phụ?
Em không nghe rừng thu
Lá thu kêu sào sạc,

Et je pleure.	Hạt lệ tuôn rơi.
Et je m'en vais	Rời ta ra đi
Au vent mauvais	Theo gió vu vi
Qui m'emporte	Mặc theo chiều gió
De ça de là	Chẳng nề đây đó
Pareil à la	Trước gió vật vờ
Feuille morte.	Tựa chiếc lá khô

Verlaine BẠCH LƯƠNG NGỌC dịch

Về âm hưởng của «La pluie» của P. Verlaine cũng là một công-tiệc tác: nhờ thơ êm đềm, lưu xướng (fluide), thi sĩ đã đạt được mục đích của mình, là tìm được nhạc điệu trong thơ.

La pluie	Giời mưa
Il pleure dans mon cœur	Trời mưa trong lòng tôi
Comme il pleut sur la ville	Như mưa ngoài đường phố
Quelle est cette langueur	Cái buồn chi giết người
Qui pénètre mon cœur?	Nó thấm vào lòng tôi?

*O doux bruit de la pluie
Par terre et sur les toits!
Pour un cœur qui s'en-
nuie,
O le chant de la pluie!*

*Il pleure sans raison
Dans ce cœur qui s'écœu-
re.
Quoi? Nulle trahison
Ce deuil est sans raison.*

*C'est bien la p're peine
De ne savoir pourquoi
Sans amour et sans haine
Mon cœur a tant de pei-
ne.*

PAUL VERLAINE

LE VĂN HÒE dịch
(Thi thoại)

Độc bài thơ trên, ta nhận thấy điều này: câu đầu và câu cuối trong mỗi tiết (strophe) đều cùng hạ vần bằng một chữ như nhau: cœur... cœur, pluie... pluie, raison... raison, peine... peine. Sự lặp lại chữ ấy có phải như tả được nỗi buồn rầu vô cớ cứ ám ảnh thi nhân hoài, muốn sua đuổi đi mà không được. Huy Cận trong bài « Buồn đêm mưa » dưới đây cũng dùng gần như cùng một lối: ta thấy rất nhiều tính tự ghép, lặp thành do một tiếng lặp lại như: nặng-nặng, buồn-buồn, dịu-dịu, rơi-rạc, lẻ-loi, lụi-hắt, v. v... và những tiếng đề liền nhau, cùng bắt đầu bằng một chữ như: vương-nước, rơi rơi, bốn bề, v. v. Cách ấy khiến ta cảm được hết sự chan nản tràn ngập tâm hồn tác giả những khi giong mưa cứ đều đều và thánh thót từng giọt một trong lòng thi sĩ.

BUỒN ĐÊM MƯA

Đêm mưa làm nhớ không gian
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la
Tai vương-nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng-nặng g nghe ta buồn buồn
Nghe đi rơi-rạc trong hồn
Những đêm xa vắng dậm dậm mòn lẻ loi...
Rơi rơi... dịu dịu, rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nổi lời vu vơ...
Tương tư hương lạc, phương mờ...
Trời nghiêng gối mỏng hững-hờ nằm nghe.
Gió về, lòng rộng không che,
Hơi may h u hạt bốn bề tâm

HUY CẬN

Ta lại còn thấy rằng Huy Cận đã dùng lối « nghĩ âm hòa điệu » (harmonie imitative): rơi rơi... dịu dịu rơi rơi... có phải như nghe được tiếng những giọt mưa đang ti-tách bên thềm. Đọc bài này, ta không thể không nhớ đến bài « Sương rơi » của Nguyễn Vỹ viết theo một tiết điệu mới lạ. Những câu thơ chỉ có hai tiếng ấy thánh thót bên tai ta, như những giọt sương đã rơi vào lòng thi sĩ để « thành một vết thương ».

SƯƠNG RƠI ..

Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu
Nhưng hơi
Gió bắc
Lạnh lùng
Hiu hắt
Thấm vào
Em ơi,
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương

Rồi hạt
Sương trong
Tan tác
Trong lòng,
Tả tôi
Em ơi!
Từng giọt
Thánh thót,
Từng giọt
Điều tàn
Trên nắm
Mồ hoang!

Rơi sương
Cành dương
Liễu ngã
Gió mưa
Tôi tả
Từng giọt,
Thánh thót,
Từng giọt,
Tôi bời,
Mưa rơi
Gió rơi,
Lá rơi,
Em ơi!..

— Ông Đoàn Phú Tứ, trong bài « Âm thanh » (Thanh-Nghị 1er Juin 1942) bày tỏ rằng trong tiếng nói Việt-nam, một số gần nửa đã được kết tạo theo định luật rất rõ rệt này « Âm thanh vốn có năng lực diễn tả tình ý » A. de Piris (1785) bên Pháp trong quyển « Harmonie imitative de la langue française » cũng biện chứng rằng tiếng Pháp có năng lực tượng thanh và tượng hình rất lạ lùng. Theo tác giả không có tiếng gì mà không miêu tả được bằng âm thanh. Đây là tiếng rắn phun:

Pour qui sont ces serpents qui sifflent sur vos
têtes. (Racine).

Tiếng thác chảy trong một bài văn của Chateaubriand:

On entendait les sourds mugissements de la cataracte du Niagara qui se prolongeaient de désert en désert et se perdaient à travers les forêts solitaires.

La Fontaine và cụ Nguyễn Du đã dùng cùng một lối để tả cái xe ngựa khó nhọc, nặng-nề tiến trên con đường gồ ghề, khúc khuỷu:

...Le coche arrive au haut.

Vó câu khắp khênh, bánh xe gập ghềnh.

Hai câu sau này cho ta nghe tiếng một cái xe đang tung bụi âm âm chạy như bay:

Dùng du ị gió dục mây vờ,

Một xe trong cõi nông trần như bay (Kiều)

Và sau cùng, đây là tiếng gáy buổi sớm của chim sơn ca:

La gentille alouette avec son tire-lire, Tire l'ire à l'iré, et tire-lirant lire vers la voûte du ciel; puis son vol vers ce lieu Vire et désire dire; Adieu, Dieu adieu, Dieu

Lối « nghĩ âm hòa điệu » bằng tượng thanh chỉ là một cái tiêu sảo trong văn chương. Nhạc điệu thường tạo nên do cách khéo lựa chọn âm thanh và tiết điệu.

Vì đã thoát khỏi những khuôn phép trật trệ và nghiêm khắc chới buộc tư tưởng, nên các nhà thơ mới có thể chọn được âm thanh để tả hình, tả tiếng. Họ đã biết dùng những tiếng mạnh mẽ để tả những « cảnh vĩ đại sóng nghênh trời, thác ngàn đổ », những tiếng nhẹ nhàng êm ái để vẽ « nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay ».

Người ta thường hay so sánh cách tả tiếng trong truyện Kiều và trong « Mấy vần thơ » của Thế Lữ. Đây đây tiếng đàn của nàng Kiều gảy trước mặt chàng Kim Trọng :

Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như nước suối mới sa nửa vời.

Tiếng khoan, như gió thoảng ngoài.

Tiếng mau sầm sập như giờ đồng mưa.

Thế Lữ cũng tả âm thanh, nhưng lạ lùng thay, ngòi bút tài tình của thi sĩ như vẽ cho ta « trông thấy » được tiếng sáo khi lên khi xuống, khi theo con hạc trắng bay vút lên tận tầng mây, khi uốn mình nhay múa trong không như người ngọc-ưỡn lại khi là là trên ngọn cây hay bay lướt bên bờ suối :

Bên rừng thổi sáo một hai kim-đồng

Tiếng đưa hiu hắt bên lòng

Buồn ơi xa vắng mệnh-mông là buồn,

...Theo chim, tiếng sáo lên khơi

Lại theo giòng suối bên người tiên-nga

Khi cao vút tận mây mờ,

Khi gần vút về bên bờ cây xanh.

Êm như lọt tiếng tơ tình,

Đẹp như ngọc nữ uốn mình trong không.

(Tiếng sáo thiên thai)

« Tiếng sáo thiên thai » vừa dứt, lại nổi lên tiếng trúc tuyệt vời :

Tiếng địch thổi đầu đây

Cớ sao nghe réo-rắt ?

Lơ-lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt

Mây bay... gió quẩn... mây bay.

Tiếng v...i v...út như khuyên van như đi...u dật

Như h...ắt h...iu cùng h...ơi gi...ó h...eo may

(hãy chú ý đến cách dùng bốn tiếng bắt đầu bằng chữ H trong câu này)

(Tiếng trúc tuyệt vời)

— Một lần khác nàng Kiều lại đánh đàn, nhưng lần này tiếng đàn như chứa chất sự oán hờn cùng nỗi đắng cay đau đớn, vì phải gảy cho Hồ Tôn Hiến nghe sau khi Từ Hải đã bị Hồ giết chết :

Một cung gió thấm mưa sâu

Bốn giây đỏ máu năm đầu ngón tay.

Ve kêu vượn hót nào tày

Lọt tai Hồ cũng nhận mây rơi châu !

Thế Lữ cũng tả tiếng đàn ảo não trên sông Hương, trong mấy vần thơ trắc luyện :

Ta tưởng thấy bao nhiêu điều đau khổ,

Với bao nỗi hờn đau trong vũ trụ

Như hẹn hò thu lại một đêm nay,
Đương nổi non thanh thoát ở trên giây
Theo mấy ngón đề mê nhà nghệ sĩ
Ôi ! thuốc độc êm đêm, giọng đàn ủy mị,
Bởi vì đau reo xuống mãi lòng ta
Những giọt nồng cay tê-lai say sưa

— Tiếng đàn réo rắt trong khúc « Tỳ bà » của Mộng Thu, một bài thơ êm ái lạ lùng, đọc lên như thấy mát mẻ êm dịu cả tâm hồn. Thi sĩ đã tìm được một nhạc điệu mới lạ bằng cách dùng rất vần bằng trong suốt cả bài thơ :

TỶ BÀ

Nàng ơi ! tay đêm đương giăng mềm
Trăng đan qua cảnh muôn tơ êm
Mây nhùng phơi màu thu trên trời
Sương tan phơi màu thu muôn nơi

..

Cây đàn yêu đương làm bằng thơ
Giây đàn yêu đương run trong mơ
Hồn về trên môi kêu : Em ơi
Thuyền hồn không đi lên chơi với

..

Tôi qua tìm nàng vắng du dương
Tôi mang lên lầu lên cung thượng,
Tôi không bao giờ thôi yêu nàng
« Tình-tang » tôi nghe như tình lang.

..

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đâu tìm Đào nguyên cho xa xôi
Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi

..

Thu ôm muôn hồn chờ phiêu diêu
Sao tôi không nâng kêu : Em yêu
Trăng này không nâng như trăng thiêu
Đêm này không nâng như đèn hiu

..

Buồn hiu cây đào vin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm Đồng quân
Ô hay ! buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi ! Vàng rơi ! Thu mệnh mông

(MỘNG THU)

Trong « Thơ thơ », Xuân Diệu cũng cho ta nghe tiếng « Nhị hồ » :

Điệu ngả sang bài Mạnh lệ Quân
Thu gồm xa vắng tự muốn đời.
Sương nương thướt trắng ngừng lưng trời
Tương tư nặng lên phôi vôi...
— Và sau cùng, ta tiếng tiêu ảo não.

Trong quyển « Thi nghệ », một quyển sách đã giúp tôi một ít tài liệu viết bài này ông Văn Hạc nói về những áng thơ hay, có trích bài « Tiếu Lang » của Thao Thao, làm tí dụ. Đó theo nhời tác giả, là một bài thơ có giá-trị, « hay như một khúc tiêu vậy, vì chính nó là một khúc tiêu, một khúc tiêu không tiếng, một khúc tiêu bằng thơ. Thi sĩ, bằng những vần u, ư lặp đi lặp lại nhiều lần, cho ta

nghe văng vẳng tiếng tiêu trong một bài thơ, từ đầu đến cuối »:

TIÊU - LANG

Khi còn Hồ thu nằng hát như du,
Nhu đầy người vào thế giới mịt mù,
Đề mơ màng với trăng trong gió mát
Thì tiếng tiêu của Tiên lang man mác
Nhu hơi bay, như gió thoảng vi-vu...

..

Nhưng Hồ thu mỏng mảnh kiếp phù-du
Một chiều thu đã xa lìa cõi thế.
Và người yêu nhìn đầm đìa giọt lệ,
Ôm Hồ-Thu hồn vỡ cánh cao bay,
Theo Tử Thần lướt gió và dề mây...

..

Từ đây Tiêu-Lang âm thầm sớm tối
Ổng tiêu treo cũng thờ ơ biếng thổi
Vị thời chi trong lúc thâm thâm sâu,
Thà ôm đau mà rầu rĩ canh thâu!

..

Như, đêm qua, Tiêu-Lang chợt rên rĩ
Cỏ dặt diu ngân nga và khẽ lể
Nỗi lòng đau chất chứa văng Hồ-Thu
Tàn canh còn văng vẳng tiếng vi-vu...

..

Nhưng bình minh thì Tiêu-Lang ngừng thổi,
Và lặng im, vì gần khi hấp hối
Chàng gượng đem tàn lực gửi trong tiêu ..

THAO THAO

— La Fontaine đã dùng những chữ mạnh mẽ
để tả sức mạnh một trận cuồng phong, rít lên
những tiếng kêu ghê gớm:

...Se gorge de vapeurs, Siffle comme un ballon,
Fait un vacarme de démon, Siffle, souffle, tem-
pête,...

Trong đoạn sau này của Huy Thông, những âm
thanh hùng tráng tả được hết cảnh hùng tráng
của một trận bão ban đêm:

Có nhiều đêm tối đen như địa phủ
Sóng dữ dội như ma thiêng kêu rú
Đương khi, trong đám tối, chớp bập bùng
Và giông gào, và sấm sét đùng đùng.
Hơi sóng đêm hồn động lối đình quất tháo,
Cả vũ trụ như vùi trong trận bão...

(Sóng đêm)

Ai là người không thuộc những câu thơ của
Thế Lữ kể đời oanh liệt của con hổ trong rừng
xanh:

Ta sống mãi trong tình thơ 3 nỗi nhớ
Thủa tung hoành hồng hã ững ngày xưa
Nhớ cỡi sơn lâm bóng cả, cây già
Vội tiếng gió gào ngàn, vội giọt nguồn hét núi.
Vội khi hét khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên đống dục đường hoạn nạn.

(Nhớ rừng)

DANH-VĂN NGOẠI QUỐC

THANH-NIÊN LẬP CHỈ TÔN DẬT TIÊN

Những đoạn văn trích đăng sau đây, rút ở một bài diễn văn của Tôn Dật Tiên diễn ở trường Đại học Lĩnh-nam ngày 11 tháng 12 năm Trung-hoa dân quốc thứ 12 tức là 1924.

Trường Lĩnh-nam là một trường Đại-học ở Quảng-đông có tiếng nhất ở miền nam Trung quốc. Trường này do người Hoa-kỳ chủ trương.

PHAN QUÂN dịch

«...Ở Trung-quốc bây giờ, khắp mọi nơi có nạn binh đao nhân-dân cầu khỏi chết chưa xong, huống chi còn có lực mà cho con em đi học, liệu được bao người! Mà trong những người đi học, liệu được mấy người được may mắn như các anh đây, học tại một trường Cao-đẳng có tiếng! Như riêng tỉnh Quảng-đông này dân số ước độ 30 triệu giả có 1/10 thanh niên thì chừng được 3 triệu thanh niên. Thế mà học ở trường này chỉ có hơn 1 ngàn người, vậy mới biết các anh may mắn hơn người biết là bao!... Đã được hưởng sự may-mắn đặc biệt như thế, tất sau này các anh phải thi xả cho xã-hội mà đền bồi cho những kẻ không may.

Muốn thế phải làm cách gì?

Hiện nay các anh chưa tốt-nghiệp tri-thức học vấn chưa thành tựu cố nhiên là chưa thể yêu cầu các anh nhất định làm một việc gì được. Nhưng tuy chưa làm, cũng có thể dự-bị trước, mà theo ý tôi, thì trong thời-kỳ dự-bị này, cần nhất là phải lập chí. Lập chí là một sự tối quan trọng đối với người đi học.

Cách hai ba mươi năm về trước, người đi học có một cách lập chí là đóng cửa đọc sách cho đến khi thi đỗ vào viện Hàn-lâm rồi để làm quan to. Nay tôi mong các anh sẽ không lập chí theo lối ấy nữa, mà lập chí cao hơn. Ngày trước người ta lập chí chỉ vụ hạnh phúc cá nhân; Ngày nay lập chí phải chú trọng hạnh phúc của nhân quần xã-hội.

Xác thực mà nói, thì thanh niên Trung-quốc

ta lập chí ở nơi nào? Tất phải kiến thiết Trung-hoa dân quốc khiến được văn minh cường thịnh có thể ngang hàng với các nước mạnh ở hoàn-cầu...

Lập chí theo mục đích ấy bắt tất phải làm quan to trong trường chính-trị. Vả chẳng cớ kìm nhân vật, những người có tiếng trong lịch-sử, không phải là người làm quan to, nhưng chính là những người có công với xã-hội. Bất cứ làm một việc gì, hễ có có công với đoàn thể, tức là ta có thể lưu danh trong sử xanh. Vậy cho nên, tôi khuyên các anh, lập chí thì phải làm việc to, chứ chẳng cần phải làm chức to...

Thế nào là việc to?

Bất cứ việc gì (thí dụ như sự tìm tòi về khoa học, sử học, văn học v. v...) hễ cố công cùng sức làm đến nơi đến chốn, cho thành công. Đó là việc to cả.

Trong lúc ta học, ham một môn gì, thích một vấn-đề gì, thì nên tha thiết nghiên cứu, sưu tầm cho tới lúc thành công, chớ nửa đường bỏ dở!

Lập chí không phải là hôm nay định tâm làm thì mai phải tới một địa vị phú quý. Không! Lập chí làm vua làm tướng đời xưa, nay đã hủ rồi! Phải đạp đổ đi. Lập chí ngày nay là chuyên tâm làm một việc, cho tới lúc thành công như về khoa học, nếu mình phát minh được một sự vật gì thì hoàn-cầu sẽ nức tiếng: các anh chớ phiền về rồi không được một địa-vị cao trong xã-hội!

(Xem tiếp trang 29)

Nhời than của con hổ bị sa cơ nào có khác gì tiếng kêu đau đớn của Hang Vũ lúc đường cùng, trong bài «Tiếng địch sông Ô» của Huy Thông. «Chưa bao giờ thì ca Việt-nam có những lời hùng tráng như thế... Hơi văn đến thế thực đã đến bậc phi thường. Anh hùng ca của Victor Hugo tưởng cũng chỉ thế» (Thi nhân Việt-nam):

Nền đau thương, vương ngậm ngùi sẽ kể

Niềm ngao ngán vô biên như trời bề...

Ồi! tấm gan bền chặt như Thái Sơn,

Bao nhiêu thu cay đắng chẳng hề sờn!

Ồi! những trận mạc khiến trời long đất lở!

Những chiến thắng tung bừng! những vinh quang rực rỡ

Ồi! những võ công oanh liệt trồn sa-trường!

Những buổi tung hoành, lăn lộn trong rừng thương!

Những tướng dũng bị đầu văng trước trận...!

Nhưng, than ơi! vận trời khắt đã tận,

Sức «lay thành nhổ núi» mà làm chi!

(Tiếng địch sông Ô)

Chế Lan Viên trong tập «Điều Tàn» cũng tìm được những lời hùng tráng bi ai để ca nỗi đau đớn oán hận của dân Chàm bị tiêu diệt một cách thảm thương. Thi sĩ dặt ta vào một thế giới rừng rợn, ở nơi ấy một con yêu tinh đang:

...lấy ra một khớp xương rợn trắng

Nút bao giòong huyết đầm khi tanh hôi,

Tìm những miếng trần gian trong tủi cạn

Rồi say sưa, vang cất tiếng reo cười.

Ta theo tác giả đi thăm những «cảnh ngàn sâu cây lá ngọn, Muôn ma Hời sớ soạng dặt nhau đi», hay những bãi chiến trường cũ, nơi xưa kia đôi bên giao trận:

Muôn cô hồn tử sĩ hét gầm vang.

Máu Chàm cuộn thác ngày niền oán hận,

Xương Chàm rơi rào rạt nổi căm hờn.

và đây là những:

...tháp gầy mòn vì mong đợi

Những đền xưa đổ nát dưới Thời gian,

Những sông vắng lê mình trong bóng tối,

Những tượng Chàm lở lói rỉ-rên than.

Và sau cùng để chấm hết bài này, tôi xin hiến các bạn mấy vần «thơ say» của Vũ hoàng Chương, những vần thơ «lảo đảo mà nhịp nhàng» viết theo điệu kèn khiêu vũ:

Âm ba gờn gợn nhỏ

Ảnh sáng phai phai dần...

Bốn tường gương «diên đảo bóng giai nhân.

Lui đôi vai, tiết chân

Riết đôi tay, ng' chân,

Sàn gỗ trơn ch'p chờn như biển gió... (Thơ say)

Âm thanh và tiết điệu thật đã đưa nhà văn đi tới những kết quả không ngờ.

(còn nữa)

VŨ BỘI LIÊU

PHÁP VÀ VĂN CHƯƠNG VIỆT-NAM

(Tiếp theo và hết)

TRONG hai tiếng đồng hồ ấy, ít nhất cũng có mười phút, Selig thấy mình như lạc vào một thế giới hoang đường. Ti rường nhật, đối với ông một tháng một lần ngồi nhà uống hết một chai bia đã là say sưa quá lắm. Mà hôm nay thì ông ngồi tập quấy rượu whisky với nước soda để uống. Ông lo theo cho đúng lối các nhà ngoại giao từng cử chỉ một, và uống rượu hết như cụ nghị Ryder.

Cụ nghị, vốn tay xanh rượu, ngồi điềm nhiên nhắm nhót, lắc lư cái đầu hoi, khoan khoái lắm. Còn Selig thì như bay bổng trên mấy triệu ngàn thước mây hồng xẹt chớp loáng, bàng hoàng choáng váng như ở tầng không.

Cụ nghị cứ nói hoài nói hủ về những tờ trình về đường xứ Cuba và về gai xứ Colorado.

Khi Iddle lù lù đem xe lại đón giáo sư Selig về thì cụ trả lời gọn rằng:

— Giáo sư Selig ở lại ăn cơm đây. Rồi tôi sẽ cho đánh xe đưa giáo sư về.

Cái bữa cơm tối hôm ấy... Selig, tuy không đọc iểu thuyết

nhiều nhưng đã được mơ tưởng qua một trang sách mà ông đã đọc, « những ánh nến êm dềm trong bóng tối, phản chiếu trên những bức gỗ quý nối nhau san sát như một tấm gương mờ, những đá đèn hồng, những đồ đạc cổ ». Nên ông mơ tưởng tượng những toà nhà qui phái trang hoàng nguy nga những gác hươu nai, những huy - biều, với những áo giáp võ sĩ thời xưa:

Vậy mà không, cái phòng ăn của cụ nghị không hề trang hoàng qua một thứ đồ quý ấy; không qua một chiến tích, một huy - biều, không có đến một thanh gươm, một lưỡi kiếm. Le lói có ánh sáng những cây nến, nhưng lịnh không có một đồ gỗ gì quý phản chiếu cái ánh sáng ấy, có chăng chỉ có một bức thêu dát bạc ma thôi. Phòng ăn này giải, rất dãn dị - hai bên tường loáng thoáng có mấy tấm họa, và có treo những bức chân dung cổ. Tuy nhiên, Selig cũng tưởng như sống trong một chuyện thần tiên mà chưa hề mơ tưởng đến bao giờ.

Bữa cơm cũng là bữa cơm của nhà quê. Chẳng trẻ tuổi cứ tưởng thế nào có những món như lưỡi chim trĩ với trứng cá chiên, nuôi. Thực ra chỉ có món sườn và mì nấu nho thôi. Nhưng trước mặt mỗi quan khách, trồng bốn chiếc cốc; không kể nước lọc là thứ uống hàng ngày ở Erasmus, chàng còn dặt dề nếm cả rượu nho bourgogne và rượu sâm banh nữa.

Ngày trước ở Iowa và Erasmus vì thử có hỏi ý kiến của giáo sư Selig về rượu sâm-banh thế nào

chắc hẳn ông đã bảo đó là một thứ rượu thực xấu xa, nó làm cho mơ màng đến bọn gai lẳng lơ, những chuyện dâm dăng, những uoc đồ đen thua thay rồi kết liễu đến đánh nhau thành ra án mạng. Vậy mà bây giờ chính cái lúc mà ông nhấm nháp thứ rượu phiếm đồng ấy là lúc cụ nghị Ryder bắt đầu nói chuyện đến sự khoái lạc của cụ về sự chấn-hưng đạo Gia-Tô ở Anh-cát-Lợi.

Không, thực quả sự hiệu tại, đối với ông, đã biến đâu mất rồi.

Cụ nghị hỏi câu này, lại làm cho sự vui của ông khách ăn cơm tăng lên đến cực điểm:

— Tối ngày kia mời ông lại đến soi cơm với tôi,

nhé? Ông nhận lời phải không. Được, thế thì tôi sẽ cho Martens dùng bây giờ rượu lại đón ông nhé. Mặc áo thường thôi, đừng bày vẽ gì cho bận.

Tối hôm ấy Selig trở về nhà, tri óc hoang mang một cách lạ. Ngồi trong chiếc xe hơi, do người tài xế kiêm bồi buồng của cụ nghị lái, ông ôn lại trong trí tất cả những đoạn sách của

ông, trước sao mù mờ mà nay sao sáng xuất lộ thường.

Khi ông về đến Sky Peaks, thấy cả đoàn còn đương xúm quanh ngọn lửa trại gần tàn.

Cô Selma Swanson trông thấy ông, gọi lớn tiếng: « Kia! ông giáo sư-ký của tôi ời, ông Iddle, nói chuyện rằng tối nay ngài lại chơi nhà cụ nghị Ryder, phải không? Ông ấy bảo rằng cụ ấy là một người danh giá lắm và đã làm một nhà đại chính trị.

Selig thần nhiên khẽ trả lời:

— Phải. Cụ ấy cũng tốt, đã giúp tôi giải quyết được mấy vấn đề khổ khăn.

Nhưng khi chàng về đến phòng ngủ, thì cao hứng nói một mình:

— Vì thử mất bạc vạn, ta cũng mất để làm bạn với ông nguyên-lão nghị-viên này! người đầu mà qui hóa thế!

Về phần cụ nghị Lafayette Ryder, thì sau khi ông khách đi khỏi rồi, cụ cũng chẳng nhớ ông khách ấy tên là Selig... hay Sélím... hay Salem nữa, — cụ ngồi một mình ở chiếc bàn giải trong phòng ăn, tay cầm điếu thuốc lá, rầu rầu trước cốc rượu « cốt nhất » đã cạn, mà nghĩ rằng:

— Ừ anh chàng này dễ chịu đây, mà thông minh. Người ở tỉnh nhỏ mà lịch sự. Thế ra trên quả đất này, còn có người biết rằng có ta là Lafayette Ryder ư.

BÚ'C THU' CỦA BÀ NỮ'-HOÀNG

Truyện ngắn của Sinclair Lewis
được giải thưởng Nobel năm 1930

PHẠM GIA KÍNH

Cụ bấm chuông gọi. Cô vú Tully tóc quần đã nhẩy nhót chạy ra miệng lắp bắp:

— Bấm cụ nghị bây giờ mời cụ đi nghỉ chứ?

— Chưa. Mà tôi có gọi chị đầu. Tôi bấm chuông gọi Mariens đấy chứ.

— Anh ấy còn đi tiễn ông khách kia mà.

— Ủ! Thế thì bảo bếp nó ra đây tôi bảo và cho tôi chai rượu mạnh nhé.

— Ôi, cha ôi? Cha muốn làm những phải không?

— Những à? Ủ đây! Nhưng ai cho phép chị gọi tôi bằng cha?

— Chính cụ chứ còn ai! năm ngoài, cụ...

— Nhưng năm nay, tôi có bảo đầu.

Thôi hãy đem chai rượu mạnh ra đây.

— Con đem cho cụ chai rượu thì cụ đi ngủ chứ?

— Chưa.

— Nhưng mà ông đốc-tờ...

— Ông đốc tờ là con chó già mặt cá, và nhiều thứ khác nữa. Tối nay ta thấy trong mình khỏe lắm rồi. Ta thức suốt sáng.

Sau cùng rồi cũng ổn thỏa xong: cụ sẽ thức đến mười một rưỡi thôi chứ không thức suốt sáng, và uống một cốc rượu mạnh chứ không uống cả chai. Nhưng cô Tully kể lại rằng cụ nghị phải điều đình (cũng như xưa kia trong tám mươi năm kỳ-dị, đã bao lần cụ đã phải khuất phục để điều đình với các vị vua chúa nên cụ giận lắm, lúc vào nhà tắm cụ hành đủ trò.

Tully nói chuyện với cô Tinkham: « Tôi thề rằng nếu cái ông già ác nghiệp ấy mà không trả tiền tôi hậu như thế này, thì mai tôi bỏ quách mà đi cho xong. Ông ấy tưởng ông ấy làm một nhà chính-trị hay cái quái gì như thế nữa, mà ông ấy khinh được một người vú có bằng cấp nhà nghề hẳn! »

Cô Tinkham trả lời: « Đừng, chị đừng đi. Nhưng thật quả ông ấy ác lắm. »

Hai cô nói chuyện với nhau, co ngờ đầu trong lúc bấy giờ ông cụ nằm trong giường đương hút thuốc lá, thức lom lom, vợ vẫn nghĩ ngợi.

Cụ nghĩ:

— Các vị thánh thần chiều chuộng mình quá đáng thật. Giữa lúc mình bị trần ngập vì mấy con đàn bà và mấy lão đốc tờ, thì gặp một người, một người trẻ coi bộ có khối óc một nhà thông thái và có thể giữ cho sử sách những điều mà ta đã làm. Thế là đủ cho ta lắm rồi. Thôi, nguyên lão nghị viên Ryder ơi, đừng than phiền nữa.. Bây giờ, nghỉ đi thôi »

Sáng ngày, cụ già lại nghĩ, chẳng biết cụ có quả tin Sélig không. Nhưng hôm sau, khi cụ lại gặp chàng, thì cụ lấy âm xung xướng vì thấy chàng đã chóng quen với cái lối sinh hoạt lịch sự mà xưa nay chàng chưa biết. Còn Sélig thì kể chuyện cho cụ nghe rất lưu loát, cái đời trẻ trung và thôn dã của ông ở trại và cách sinh hoạt ở nhà trường.

Cụ già nghĩ: Mình thích anh chàng này cứ chất phác thế này chứ đừng giống những hạng màu mè ngoài mà vô vị, chúng tưởng bước chân ra được

đến Greton đã là thiếp đời lắm rồi. Mình phải cho anh chàng này cái gì mới được chứ.

Đêm hôm ấy, cụ, lại thức cả đêm không ngủ lỏng trong óc nảy ra một ý tưởng sáng láng lạ lùng

« Ủ ta sẽ giúp anh chàng này một phen. Ta có những bấy nhiêu tiền, để cho ai? chẳng qua để cho mấy đũa ho hàng vợ vẫn chỉ thiết tiền! ta sẽ cho anh chàng này một năm xung xướng tự-do.. Ta biếu anh ta — bao nhiêu nhỉ, anh ta một nam lương bổng 2.500 mỹ kim thế thì ta biếu anh ta 5000 mỹ kim chi phí vật ngoài không kể, để anh ta thu dọn những tài liệu giấy mực của ta. Khi ta qua thế giới bên kia rồi, ta sẽ cho anh ta cách để đem in các sử liệu ấy. Các thư từ của John Hay, của Blaine, của Choate, ở Mỹ châu này chẳng có bộ sử liệu nào giá trị bằng được như thế thì anh chàng này tất nhiên sẽ nổi tiếng cả ư.

« Nhưng thế thì con Tinkham nó sẽ trách mình, Nó sẽ ghen. Nó sẽ bỏ mình nó đi. Ủ thì nó đi, càng hay. Mình có sợ gì. Ba năm nay, mình mới thôi không mượn nó mà cứ sợ nó giận không giám đuổi vả lại mặc, mình chết rồi thì mình muốn gì nó chẳng phải theo. »

Cụ già cười gằn trong bóng tối, cái cười gằn ghê gớm của lòng vui thu xâu-xa. Rồi lại nghĩ:

« Phải rồi, mà nếu người bạn mới của ta có đủ tài như ta dự đoán thì ta để cho hắn một ít tiền để hắn cho xuất bản tập thư của ta cho được hoàn hảo. Ủ được, để đợi cho hắn bắt tay vào làm việc xem sao. »

Trong bọn cháu có quyền an hưởng hỏa của cụ và những phượng an dưỡng tung quần sống quanh bên cụ, họ đoán tiền của cụ có đến số 20 vạn mỹ-kim. Chỉ có người làm ở nhà ngan-thị với cụ nữa là hai mới biết được rằng cái vốn ấy, trong lúc cụ về hưu trí cụ đã tra may (đắp đồi) nên nay đã thành nên một số là 100 vạn.

Lafayette Ryder, đương đem, liền nghĩ thảo một tờ chúc thư mới. Trước tiên, cụ để phần nửa gia tài cho trường Đại học đã, một phần tư thì cho thành phố Wickley, còn thừa bao nhiêu để cho các cháu gái, cháu gái, không kể số tiền cho Tully, Tinkham, Ma tens, vân vân, với ông đốc-tờ đầy bằng cấp, mỗi người một vạn nĩ-kim, và hưng cụ hạn cái bọn này từ đây về sau chưa được hạn chế người cầm bút ti ước là nữa.

Còn đối với gia đình Sélig, cái anh chàng đương ngủ say ở nhà chẳng mơ mộng gì, thì cụ để cho một số tiền hy-vấn rưỡi mỹ-kim, tất cả lòng âu yếm của cụ, và những tập sử liệu có một giá trị vô ngần.

Sáng hôm sau, cụ già, đi ra như búa bổ la hét cô Tully om xòm; trước mặt cô, cụ dám nói rằng cô đã ngam thuốc như đau vào nhan ngón cho cụ uống; rồi đồng thời cái phần gia tài cụ định cho Sélig cũng tự xuống nam nghĩa mỹ kim; nhưng đến tối nó lại vọt lên hai vạn rưỡi. May thay và

và xung xướng cho anh chàng trẻ tuổi ấy nhường nào.

Nói về giáo sư Wibur Sélig, buổi tối đầu tiên được cụ nghị mời ở lại ăn cơm một cách không ngờ thì cảm động như là... vì với gì được? Chẳng biết cái gì làm cho giáo sư cảm động nhất? Một vở hát vĩ đại? Một dịp được tăng lương? Hay một buổi oản thắng của đội đá bóng lĩnh Erasmus?...

Đến bữa cơm thứ nhì, ông chủ tiệc với phong cảnh đã mất vẻ mới lạ, nên ông chỉ cảm thấy sự xung xướng êm đềm và ham nhặt cho thật nhiều tài-liệu để làm sách. Bữa cơm thứ ba cũng dễ chịu lắm, nhưng quan giáo hình như để ý đến các món ăn hơn là nghe cụ nghị kể chuyện về sự hoảng sợ của kinh thành Baring. Thực ra giáo sư cũng đã hơi ngán vì nỗi cụ nghị cứ níu ở lại đến nửa đêm mới cho về (gồm cái cụ ích kỷ lạ) làm cho giáo sư không được đi ngủ đúng giờ, lại còn mất cả dịp bông đùa với cái cô Selma Swanson khẩu khỉnh mà dễ yêu làm sao.

Cũng có lúc giáo sư chợt thấy mình đem những tư-tưởng của cụ nghị về luân-lý ra xét đoán có khi lại chỉ trích nữa.

Ông nghĩ: Chết nỗi! Có lẽ nào mình là con nhà gia-giáo, may được giao du với những bậc thượng lưu trong xã hội, mà lại ngôn ngữ cứ chỉ suông sã đến thế, rệu rã bẽ tha đến thế? Sélig tỉnh rộng rãi (ông vẫn tự hào có tính ấy nhất), nhưng ông xét ra thì một người đã tuổi tác như cụ nghị nhẽ ra phải lo cho cái phần hồn được yên tĩnh chứ đâu lại nguyên rủa như hạng bồi ngựa ấy.

Nhưng hôm sau, Sélig tự hỏi rằng mình đã có những tư tưởng nghiệt ngã ấy: «Cụ nghị đối với ta tốt quá kia mà, xét cho cùng, thì cụ rất tốt bụng và lại còn là một nhà chính khách đại gia nữa.»

Nhưng ông lại nổi giận khi nhận được giấy nói của Martens vâng lời cụ nghị mời ông:

—Thưa quan giáo, chiều nay mời quan lại chơi nước Cụ nghị tôi muốn được tiếp chuyện quan.

—Được, rồi tôi lại.

Sélig trả lời ngăn ngừa rồi quay ra gặt một mình «Quái gỡ thật, cái hạng cáo già ích kỷ này, cho ma nó bắt hết đi! Làm như mình không còn gì làm hay hơn là đến túc chực hân cho vui đấy hẳn! Mình thì còn đoạn sách đương làm dở dang kia đây. Đành rằng ông ta cho ta nhiều tài liệu chưa ai biết nhưng mà mặc (chứ) mỗi cái ngôn ngữ xử thần ấy, cũng chán tai 1. Mà tài liệu để ta viết sách nay cũng đủ rồi. Và vì lấy gì để đi đến đấy mới được chứ? Cái ông gia ấy chỉ biết ích mình thôi. Tưởng mình có tiền mua ô tô đi chắc? Lại phải kéo bộ đến mới khở chưa! Đề xem có gì cản trở thì mắc quách, ta cứ ngồi.»

Tuy nhiên khi ông đến nhà cụ nghị, nghe cụ nói chuyện về bức thư của bà nữ hoàng Victoria, bức thư mà ai cũng tán tụng đến thì ông lại thấy hết bề mình.

Các nhà sử-học đều biết rằng hồi Benjamin Harrison làm tổng thống, nước Mỹ với nước Anh xích mích về việc hai bên bắt lẫn lộn đánh cá của nhau thì nữ hoàng có ngự bút viết cho tổng-thống một bức thư. Trong bức thư ấy, người ta đoán rằng nữ vương đã than phiền vì nỗi không đem bàn thắng ở thượng nghị viện được và yêu cầu tổng-thống triệu tập quốc hội để xét việc ấy trong phạm vi luật pháp xem. Nhưng thực sự ra thì bức thư ấy nói những gì, chẳng ai biết rõ ràng một mảy chi hết.

Hai người đương cùng nhau uống nước thì cụ nghị Ryder nghiêm nhiên nói rằng:

—Tôi có bản chính bức thư ấy của nữ hoàng Victoria.

—Thật vậy, cụ?

—Rồi hôm nào tôi sẽ cho ông xem qua lời lẽ trong bức thư đó tôi cũng có thể cho phép ông nói đến bức thư ấy trong sách của ông.

Sélig được lời, trong lòng rất phấn khởi. Bức thư này là một sự mới lạ biết dường nào! Mà ông lại được phép phát giác nó ra, thì ông cũng thành một cái mới lạ nữa chứ! Trong óc ông bấy giờ đã hình dung ngay quyền sách của ông. Ông tưởng tượng thấy mình được phô trương trên các báo, ở trang đầu...

Ông chưa định thần lại được thì cụ nghị đã nói sang chuyện khác, mà chuyện này tầm thường, và vô vị lạ đời: chuyện một ông đại-sứ nước Ba-tây (Brésil) dan diu với một cô bán hàng son phấn ở Hoa-thịnh-đốn (Washington). Sélig lại muốn diên riệu. Cái giống đầu thế! tám mươi tuổi đầu rồi mà còn tưởng nhớ đến chuyện tình! Tục tữ chưa! Còn cái thư cũ rích kia, việc gì mà phải khó khăn bí mật. Muốn cho xem, thì cho xem đi! việc gì mà phải thập thò.

Bởi vậy, giáo sư Sélig không tươi cười như trước nữa cho đến lúc chia tay ra về, cụ nghị mới lôi dưới khăn quàng của cụ ra một thếp giấy màu lơ đã mờ xắm, và khẽ nói rằng:

—Nếu ngài vui lòng, xin làm quà biếu ngài cái này, trên thế giới chỉ có sáu bản sách này mà thôi. Đó là quyền sách thứ ba của tôi, chính tôi bỏ tiền ra in đấy, mà chưa hề trong các bản liệt danh những tác phẩm của tôi ai đã biết mà kể đến. Sách này nói mấy đoạn sử mà không một sử-gia nào biết: nó là đoạn dã sử của thị-xã Ba-lê đó.

«Cảm ơn cụ.» Sélig trả lời cộc lốc thế thôi.

Lúc ra về, ngồi trong chiếc xe hơi của cụ nghị, ông nhận thấy rằng cái cử chỉ của cụ già keo kiệt tự ái thật đáng ghét, làm như một quyền sách của mình cho đấy tức là một kho vàng chói lọi vậy.

Sélig mở sách ra coi: tài liệu xem ra cũng không phải là ít. Nhưng ông không ham, vì nó ngoài phạm vi việc khảo cứu ông, và cũng vì thế ông cho rằng quyền sách ấy không thích hợp cho ai cả.

Bấy giờ đã khuya; về nhà cũng chẳng làm việc được. Ông bèn bảo Martens cho xe đỗ để ông xuống

trước cửa hăng tạp hóa Bredwells. Hăng tạp hóa này đối với người đến nghỉ mát ở Sky Peaks, vừa là một nhà bán tạp hóa, vừa là nhà giày thép lại vừa là một tiệm cà-phê để khách khứa đến tụ họp.

Ông bước chân vào nhà hàng, gặp ngay cô Selma Swanson, liền cười và riêu cợt cô.

Rồi hai người chuyện trò vui vẻ lắm khi giắt tay cô ta càng ra về, ông bỏ quên quyền sách. Mỗi đến lúc về nhà đi ngủ mới nhớ ra.

..

Hai hôm sau, Martens lại gọi giấy mời ông lại uống nước, ông liền từ chối:

— Thế này thì không phải lắm. Nhờ bác làm ơn thưa với cụ nghị rằng tôi không lại được, rất tiếc song... hôm nay thực quả không đi được.

— Thưa ngài hãy khoan cho một tí. Thưa ngài cụ nghị tôi muốn biết tối mai, tám giờ, ngài có thể lại soi còm được không ạ. Ngài nhận lời cho thì sẽ đem xe lại đón ngài.

— Được, mai thì được tôi xin nhận lời. Bác nói với cụ rằng mai tôi sẽ vui lòng đến hầu còm cụ nhé.

Thực ra, thì ăn uống ở Sky Peaks chẳng ra tuồng gì nên Sélig mới nhận đi ăn cơm khách và đã sắp tâm khi ăn xong sẽ liệu, cáo về nhà cho sớm.

Chiều hôm ấy ông chắc được rảnh cả buổi chiều trong lòng đã xung xướng. Đến lúc thấy cụ nghị cứ nần nỉ mời ăn cơm cho được thì ông bực mình quá, liền quăng quyền sách đang đọc xuống bàn, rồi ra đi chơi ngoài đồng ruộng.

Lúc bấy giờ, mọi người trong trại Sky Peaks đương chơi cầu vớ nhau.

Cô Selma Swanson, rất nhanh nhẹn bận đồ cộc làm trưởng-đoàn. Thấy Sélig đến ai nấy liền hò la gọi. Ông từ chối, rồi sau nể cũng nhận lời vào chơi. Chơi vui lắm. Đá cầu xong, ông lại tập đánh vật với cô Swanson.

Cô này mềm mại lạ thường, trông gần thấy đôi mắt cô long lanh rớm lệ Sélig bỗng cảm thấy mình từ chối không đến chơi ông già là phải.

Hôm sau ông viết ngay được một đoạn sách hay đặc biệt. Viết xong vì còn những hai tiếng đồng hồ nữa mới phải đi ăn cơm khách, ông hèn dủ cô Swanson cùng đi leo núi Poverty.

Năng chiều rọi vàng trên nội cỏ, trên các chòm thông và xuất dấy ruộng đến tận chân đồi. Selma Swanson rất xinh tươi và hoạt động với chiếc váy len và đôi giày cao ống của cô (nhưng bí tất có lại bằng lụa mỏng). Sélig đâm hối đã hẹn đến tám giờ thì lại ăn cơm với cụ nghị.

Nhưng ông lăm bầm nói: « Ta đã hứa thì phải giữ nhời chứ »

Đôi giai gái dủ nhau lên đồi trên một phiến đá phẳng, nhìn thăm xuống dưới đồng bằng? Sélig nhận xét rồi nói một giọng có vẻ mô phạm:

— Ảnh sang đẹp lạ chưa này! No phốt trên mái nhà cái trại kia, và làm tỏa bóng những cây giẻ trên đồng cỏ. Cô có thấy không? phong cảnh đẹp nhờ về ánh sáng nhiều nhờ về hình ảnh là phần ít.

— Không, tôi không biết điều đó mà phải ông noi đúng đấy. Klen thay! Ông có con mắt quan sát thật.

— Tôi có biết quan sát gì đâu. Tôi chỉ là một con chuột trong kho sách mà thôi.

— Ô, ông cứ nói thê.

— Vàng cô đã giấy thì đành phải nghe theo vậy.

— Ông khiêm tốn quá! Thực quả tôi đã học ông được nhiều điều mà tôi không biết. Vậy mà ông còn là người rất hoạt động. Hôm nọ chơi cầu, có ông mới vui đấy chứ. Tôi phục ông là người tài đủ về.

Bấy giờ rưỡi. Selig nắm chặt tay Swanson, bần tay cô vừa chắc chắn vừa mềm mại, ông nói nhỏ:

— Có lẽ nhiều khi tôi cũng không dám tra đây. nhĩ. Nhưng việc tôi cự tuyệt không bê tha chè rượu với ông cụ Nghị ấy hẳn cô cũng cho là phải chứ! Thế mà lại sắp phải về để đến lão ta ăn cơm đây!

Tám giờ 15 phút, ông hôn cô ta, từ giã, nhưng lại trở lại hôn lần nữa.

— Chà! đề ông cụ ấy đợi tí nữa cũng được, chẳng vội gì.

Tám giờ 30 phút.

— Này em ơi, khuya lắm rồi. Không ngờ toi chóng thế. Thôi anh chàng đi ăn cơm khách nữa. Anh gọi giấy noi cho ông cụ ấy đây. Anh hao rằng anh quên, nhầm mất ngày cũng được chứ gì. . Rồi tu cùng dùng bờ ho kia! Ta sẽ kiếm chiếc thuyền, cùng dùng cơm chiều cho vui nhe.

— Selma Swanson xung xướng trả lời: Ô! thế thì tuyệt lắm anh ạ!

Về phần cụ Nghị Lafe Ryder, bấy giờ đương ngồi dưới hiên ở nhà cụ, — cái hiên ấy, với buồng ăn và buồng ngủ đối với cụ là ca vũ trụ — cụ ngồi dưới hiên cụ chơi. Cụ chơi cái người bạn tre và yêu quý đã làm thực hiện cái đời ai vãng của cụ mà cụ quyền luyện biết chừng nào Cụ chờ cả ông trạng sư của cụ đến để duyệt lại bức chúc thư của cụ. Rồi cụ nghĩ cụ không bằng lòng: ai lại chỉ nói đến tiền không, thì làm thường quá; phải biểu Selig cái gì quý giá hơn tiền: một thứ gì đang là qu — là một người thông thái biểu cho một người t' — hái chứ.

Cụ nhìn thấy một bức thư, mặt cụ tươi lên tức khắc. Tờ giấy này có in chữ: Windsor Castle. Dưới có nét bút thanh thanh đề: «Kính lạy quý hữu Ryder tùy tiện toàn quyền hưởng dụng» Ký tên: «Benj. Harrison».

Bức thư ấy để gửi cho quan tổng thống Harrison do ngụy bút của bà nữ-hoàng ký. Chỉ vài dòng, mà gồm đủ một chương sử ký mới mẻ của bà và của cả thế kỷ thứ 19 nữa.

Vì sức mạnh không phải do sự nhiều mới có được.

Cụ già giấu kỹ bức thư quý báu ấy trong túi, dưới làn áo khoác ngoài màu hồng che lên tận mắt xám nhợt của cụ.

Cô Tully, quan hệ, chạy ra, thì thảo :

— Này cha ơi, tối nay cha uống một cốc rượu «cốc tay» thôi nhé. Ông đốc tờ bảo rằng cha uống rượu ấy vào thì hại lắm đấy.

— Hầy, để ta liệu. Mấy giờ rồi ?

— Tám giờ kém mười lăm.

— Tám giờ thì giáo sư Sélig sẽ đến đấy. Thằng Martens về thì bảo nó ba phút sau mà không đem riệu «cốc tay» ra đây thì ta sẽ sé sác nó ra đấy. Còn chị thì chị đừng vào buồng tôi tìm thuốc lá cho mất công. Tôi đã giấu đi một chỗ khác rồi không biết được đâu. Và tối nay thì tôi thức suốt sáng để hút thuốc lá. Tôi cũng chẳng vào giường nằm đâu. Cò lẽ cũng không tắm tối nay nữa.

Cụ nói xong, cười gằn. Cô Tully thì thở giải.

— Cụ ác quá,

Cụ nghĩ không cần phải hỏi ai giờ. Tay nắm chặt lấy cái khăn quàng cổ cụ ngồi từ bảy giờ tối, đắm đắm nhìn vào chiếc đồng hồ quả quýt. Thốt nhiên, cụ cảm thấy mình điên rồ quá : ai đâu lại đi chắc ở một người bạn trẻ quá thế bao giờ. Nhưng khốn nỗi các bạn xưa của cụ nay đã chết cả rồi, mà chết đã lâu rồi. Thọ lắm cũng khổ. Cụ thường nhận được những bức thư vô vị lạ. Bức thì xin cụ chữ ký, bức thì xin tiền. Chỉ có anh chàng Se'ig. trẻ trung ngoan ngoãn này là đến au ủy cụ mà thôi !..

Bao nhiêu chuyện dĩ vãng bây giờ cụ nghĩ đến đã xa vắng lắm !

Đúng tám giờ, cụ rên lên nhưng lần này không phải như con cú già mù nữa mà như con phượng hoàng, vươn giải cổ trên đám lông rối nhàu để hình như cất cánh muốn bay. Cụ ngồi rình.

Tám giờ mười phút, nóng ruột, cụ lăm lăm nhắm nghiền rửa cái thừng ông mãnh Martens đi mãi không về !

Tám giờ hai mươi phút, mới thấy chiếc xe hơi về đỗ sịch dưới thềm. Nhưng chỉ có một mình tài xế trong xe bước ra mà thôi. Trật mũ cát-két cầm tay, anh tài bước lại lí nhí thưa :

— Bầm cụ, con đi không được việc gì cả, quan giáo Selig không có ở 'trại.

— Khờ chưa ! sao anh không chờ ông ấy ?

— Bầm cụ con đã đợi lâu lắm rồi, nên phải về thưa với cụ.

— Chao ôi, thế thì có lẽ anh chàng trẻ tuổi này lạc vào trong núi rồi đây. Bầy ! chia nhau tả hữu đi tìm đi !

— Bầm cụ, cụ cho phép con thưa thế này thực không phải lắm : lúc con trở về đây, qua con đường hẻm lên núi Poverty, con có trông thấy

quan giáo ngài cùng đi với một người đàn bà trẻ. Hai người nói nói cười cười, dắt nhau đi khỏi ra phía ngoài trại. Con sợ rằng....

— Được rồi ! nghe đủ rồi.

Bầm cụ, thế bây giờ con cho dọn cơm ngay chứ ? Cụ muốn dùng rượu «cốc tay» ngay ở ngoài hiên này ạ ?

— Thôi không cần, ta không uống đâu. Bảo Tully nó ra đây.

Khi cô vú chạy ra đến nơi, liền kêu lên thất thanh thì ra cụ nghị đã ngã gục ngay ở ghế. Cô ta cúi xuống, nghe thấy tiếng cụ rên rĩ :

— Con ơi, con đang ăn cơm mà ta phiền con quá ; nhưng nhờ con làm ơn đỡ cho ta vào nằm nghỉ một tí. Tối nay ta không ăn uống gì đâu, ta nhọc quá.

Cô vú lo sợ, tháo cái khăn quàng ở cổ của cụ ra. Cụ, hai con mắt cứng đờ nhìn thẳng như muốn nhìn lần cuối cùng ra đây đồng bằng ở chân núi đương ngập dần trong bóng tối. Cô Tully còn đương đỡ cụ ngồi lên thì thốt nhiên cụ vùng giẫy móc trong túi ra một tờ giấy dày gấp đôi, sé tan ra nghìn mảnh, rồi ra về vung vỉnh, cụ tung ra khắp nơi trong đêm tối.

Xong rồi cụ gục trên vai cô vú.

PHẠM GIA KÍNH

HẾT

CẢI CHÍNH

Trong bài « Bức thư của bà nữ - hoàng », đoạn đăng trong kỳ báo trước :

Trang 22, cột 1, giòng, 52. «... tư cách mình là giáo » xin đọc là : « tư cách mình là nhà giáo »

— Cột 2, giòng 3 : « bài trí » xin đọc là : « tài trí »

— Cột 2, giòng 47 : « tài ba vị anh hùng » xin đọc là : « tài-ba của ba vị anh hùng »

Trang 23, cột 1, giòng 23 : « Hanison » xin đọc là : « Harrison »

— Cột 2, giòng 9 : « nôi lửa » xin đọc là « nôi lửa »

— Cột 2, giòng 53 : « Đây tiên » xin đọc là : « Bầy tiên »

Trang 24, cột 1, giòng 42 : « tháp-tục » xin đọc là : « tháp trụ »

— Cột 2, giòng 40 : « một món sử ký » xin đọc là « một cuốn sử ký »

Trang 25, cột 1 giòng 2 : « cái ghế » xin đọc là : « xuống ghế »

— Giòng 38 : « đoán lại trận Âu chiến » xin đọc là « đoán trước trận Âu chiến » — Giòng 44 : « George Hérédith » xin đọc là : « George Mérédith »

ĐỌC LỬA THIÊNG CỦA HUY CẬN

(Tiếp theo trang 11)

Vi vu gió hút nẻo vàng,
Một trời thu rộng mảy hàng mây nao.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót,
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.
Canh khuya tanh vắng bên cồn,
Trăng phơi đầu bãi nước dồn mênh mang.
Và một cảm-giác buồn rười rượi toả ra không
biết từ đâu :

Bỗng đứng buồn bã không gian ..
Sầu thu lên vút song song ..
Song song muôn dặm bóng mây dồn...
Muôn sao bàng bạc sầu không gian. .
Huy-Cận chú ý đến linh - hồn hơn là nét - vẻ và
màu - sắc, nên tránh ông thanh - đạm lặng - lẽ lạ
thường.

Thơ ông lại súc-tích, kết-đóng như thơ cổ :
Ngã ba tà áo lặn,
Dặm trường thương cổ nhân.
Nắng đã xế về bên xứ bạn ;
Chiều mưa trên bãi, nước sông đầy.

Thương bạn chiều hôm, sầu gối tay.
Nhất là về thể lục-bát. Ý thơ như dồn - thúc lại.
Nhưng có khi vì muốn hàm-súc quá mà trong
một câu thơ ông chỉ giữ lại những phần - tử cốt -
yếu, thành ra cú-pháp lệch-lạc cả :

Bốn vách nghiêng trang tiếng đọc bài...
Mộng tưởng phiêu lưu bực địa đồ...
Chân bước chưa khi rộn ai tình...
Tiền nhà ít gửi biết chi mua...
Chiều chẵn không ấm người nằm một...
Và những chữ đôi dưới ngòi bút ông cũng chỉ
còn lại có một nửa :

Đêm vừa nhẹ, gió vừa mơn...
Một trời thu rộng mảy hàng mây nao...
Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về...
Cánh rục đòi cơn rơi lối đỏ...
Ngàn năm sức tĩnh lẻ thê
Bên thành sơn nhặt. — Chiều te cúi đầu .. (1)
Nhiều người bảo thơ Huy-Cận khó cũng vì thế.
Lại có câu đặt phá cách quá chừng thành ra
bối-rối.

— hình-dung-từ không đi tiếp danh-từ :
Tĩnh dậy lòng ôi, e cần hãy tỉnh...
Vết gió xa xôi lạnh lẽo ngàn...
— Trạng-từ không đi tiếp động-từ :
Đất thềm nắng bong tre rồi bóng phượng
Lần lượt buông màn nhẹ vương chân lau...
Huy-Cận còn hay dùng những tiếng xưa, những
tiếng ít thông dụng, hoặc những thổ âm ;
Lưng đeo quán đựng mưa ló mái ngang...
Vi vu gió hút nẻo vàng... (đèo heo hút gió; hun hút)

Tiến đưa dột nuôi đời chờ...
Lòng quê dờn dợn vời cơn nước...
Vàng đẹp quá, giăng tơ và xối chỉ... (2)
Nhiều chữ thì quả ông dùng sai chỗ :
Nước mát tràn xuân chảy đậm bờ...
Ai biết đường kia đậm mấy lần...
Ai biết trời kia rộng mấy khơi...
Trong cảnh hoa trể, cò chim non...

Tôi chỉ-trích thế để khỏi phải khen tài chọn chữ
của Huy - Cận, và cũng để trách ông sao nở đề
những từ-vết ấy trong một tác-phẩm đáng lẽ hoàn
toàn lắm.

IV

Huy-Cận có một tâm-hồn thi - sĩ. Ông lại biết bỏ
óc phân-tách Âu - Tây mà trở về Nghệ - thuật hàm-
súc á-đông. Những bài *Buồn đêm mưa, Chiều xưa,*
Đẹp xưa, Trăng gianu, Thuyền đi, Vạn lý tình, Dấu
chân trên đường, Nước hồ, Trò chuồn, Thu rừng,
Mai sau... Có điều khi nhận thấy những bài đó đều
do một đề-hướng cả và chỉ gây được mỗi một cảm-
giác, người ta tự hỏi, tác-giả Lửa Thiêng có một
tinh-ý nào sâu - sắc nữa không và tâm - hồn ông có
thể rung-động được rộng-rãi hơn nữa không? Bởi
vì không có cảnh nào buồn bằng cảnh một thi - sĩ
đến lúc phải tư minh bất chước lấy mình.

TRƯƠNG CHÍNH (Huế)

(1) Nguyễn Du cũng bỏ những chữ đôi cắt đứt đi một nửa
như vậy :

Kẻ nhìn rõ mặt, người e cúi đầu (tr. 76, c. 14)
Trước xe lơi lả han chào (tr. 117, c. 13)
Vội hân đi trú nơi nao (tr. 220, c. 17)

(2) Nguyễn Du và các thi-sĩ hiện-đại cũng thường hay đưa
các thổ âm vào trong thơ :

Đông thu như xối cơn sầu (tr. 209, c. 1)
Trông vời cơn nước mênh mông (tr. 214, c. 3)
(Truyện kiều bản của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim)

Họ đã xa rồi khôn nỡ lại,
Lòng thương chưa đã mền chưa bura.
(Hán Mặc-Tử)

Trong những đêm đầy thịt sáng nư mờ.
(Chế Lan Viên)

T. C.

CÁC BẠN ĐỌC HÃY ĐÓN COI :

NGÃ BA THANH NIÊN

Kịch ba hồi của Đoàn Phú Tứ

Sẽ đăng nay mai ở THANH-NGHỊ

KHUYẾN BẠN

NGUYỄN VĂN HÀ dịch

L. T. S. — Hưởng ứng mục danh-văn ngoại-buộc, nhiều bạn đọc gửi tới toà soạn những đoạn văn dịch ở các sách cổ kim Đông Tây chúng tôi vui mừng được các bạn cộng tác— Xin thành thực cảm ơn các bạn và hứa sau khi lựa chọn, sẽ lục đăng dần trong Thanh-Nghị những đoạn nào thực có giá trị về nghệ-thuật hay tư-tưởng. Chỉ cần nhắc các bạn nhớ đính theo với bản dịch bản nguyên-văn của tác giả cùng chưa rõ trích ở sách nào và số trang bao nhiêu.

VỀ-vang, giàu-có, uy-quyền mà ngẫu-nhiên vào tay bạn thì không bền giai-dâu. Bạn có thể dễ-dàng trở lại tay trái nếu bạn không sửa-soạn nghề nghiệp đón nó từ trước và bạn không biết lợi dụng khi có nó.

Bạn có thể chỉ là một kẻ tầm-thường trong trăm ngàn người làm công ở một hãng lớn kia Công-việc hiện-thời đối với bạn nó bằng phẳng xoàng-xĩnh quá. Nhưng trong việc nhỏ-nhất ấy, không có gì đáng khêu-gợi sự giận-dỗi, hoặc thức-tỉnh lòng tự-ái bạn. Bạn chỉ nên tin-cậy và y-lại vào bạn, và phải luôn-luôn tỏ ra bạn là hạng người như thế nào. Công việc của bạn nó sẽ thực-hiện theo như ý bạn và bạn cũng xứng đáng cái sự thực-hiện của nó bởi sự cần-cù sớm-tối của bạn.

Bất-cứ một việc gì mà bạn đã dúng vào, bạn phải hứng thú để hết tâm-cơ trí-não làm cho được. Bạn làm thế nào cho người trên đề ý tới công việc bạn. Bạn có thể hù bắt buộc họ phải chú-ý đến cái hoạt, cái khôn-lanh trong việc làm của bạn. Mà như vậy thì chỉ có bạn đương nổi thôi.

Trong khi bạn tỏ ra chán nản với số-phận là bạn giảm giá, tự hạ bạn mà không giúp-dỡ và bỏ rơi bạn đấy, trái lại nếu bạn quả-quyết làm tăng địa-vị bạn và hàng-hải làm theo chủ-định bạn sẽ hưởng một phần thưởng đích-dàng thường mong ước.

Không nên đợi cho kẻ khác khuất di, rồi bạn mới tiến được. Bạn cũng có thể đợi được nếu bạn muốn. Nhưng đợi như vậy cũng chẳng ích gì mà không có kết quả tốt. bạn phải bản-khoăn, bứt dứt rồi sẽ bị hủy hoại trong sự chờ đợi mòn-mỏi ấy. Lúc ấy bạn phải chịu trách-nhiệm hết những sự buồn nản mà bạn gây ra. Không có một nơi nào muốn tiến bộ mà không bỏ cứu lại, rộng rãi cho những người làm công tận tâm mình, nếu họ có cái ý-tưởng tự-thân làm việc theo cái tình-thần đáng phục ấy. Trong khi đánh giá cái nhiệm vụ trọng yếu của bạn, bạn đừng để cho ý-tưởng đi tới sự tự-phụ, kiêu-căng. Bạn cần phải nhã-nhận mà giữ-gìn cho lương-tri được sáng suốt, cho phán đoán được rõ-ràng.

Sự-thật đã hiển-nhiên. Biết bao nhiêu bậc tài-giỏi tiếng-tâm xưa nay chẳng đều ở bậc thang chót, ở một địa-vị hèn kém hơn địa-vị bạn bây giờ mà lên sao. Những người ấy họ đã tự tìm đường chỉ dẫn họ, họ đã tập hiền biết họ họ đã biết cái mãnh lực của kẻ nói câu «Tôi muốn». Những cơ-hội tốt nó không tự đem lại với bạn, nếu bạn không có một ý-tưởng mạnh thúc bạn nắm lấy.

Bạn sinh ra không phải chỉ ở trong hoàn-cảnh hiện-tại thôi đâu. Nếu bạn dự-định lên bậc-thang xã-hội, chót vót kia, thì ở trên ấy cũng có chỗ dành cho bạn đấy. Lên cao là một cái hoan-lạc, vậy ta có thể nói làm việc cũng là cái hoan-lạc. Bậc từng-trải hay bậc mới thành-niên đã có mục-dịch ở đời phải không bao giờ biết đến sự chán-nản, rời-rạc trong công việc.

Một công-việc tốt hơn, nghĩa-lý hơn công-việc bạn hiện-tại đương đợi bạn kia. Nói vậy đừng tưởng nó lại ngay, nếu bạn chỉ mất cò lời cầu khẩn xuống. Nhưng cũng không cần phải biết khi nào và làm cách nào cho có nó. Điều cốt yếu đối với bạn là phải cố sức làm đấy.

(Xem tiếp trang 31)

MẶT TRẬN ĐẠI-TÂY-DƯƠNG⁽¹⁾

ĐỖ ĐỨC DỤC

Từ mấy tháng nay các báo-chi đua nhau nói đến và độc giả cũng chú-ý, hằng ngày theo dõi những trận khùng-khiếp chung-quanh kinh thành Stalingrad hay bên giấy núi Caucase, giữa quân-đội Đức và Nga. Người ta đã hầu như quên đề ý đến một trận quan-trọng hơn hết, một trận ròng-rã, từ hơn 30 tháng nay yên-lặng ngấm-ngấm, dai dẳng không ngớt, nó đã tàn-sát bao nhiêu sinh-mệnh và nhất là đã hủy-hoại bao nhiêu vật-liệu, bao nhiêu của-cải, nhiều hơn hết bất cứ ở một trận nào trên lục-địa.

Đó là trận Đại-Tây-Dương mà người ta cũng đã nói đến nhiều, nhưng ít người đã hiểu rõ chân tướng và ý-nghĩa của nó.

Muốn biết rõ mặt trận Đại-Tây-Dương, ta cần phải định nghĩa và sự quan hệ của nó; rồi xét đến lực-lượng hai bên đối thủ; những điều kiện hành-binh, những chiến thuật, thể công và thể thủ; sau hết, bằng những con số, ta thử kết-luận trận đó có thể đưa đến chỗ nào.

I) Trận Đại tây dương nghĩa là thế nào?—

Đó tất cả là những cuộc tác-chiến thủy-không-quân do đó những nước của Trục cố sức ngăn cản không cho tới được Anh quốc các lương-thực và nguyên liệu cần-thiết cho sự sống và cho kỹ-nghệ triển-chanh của Anh.

Sau hơn một thế kỷ rành nhau với nước Pháp và chiếm được chủ quyền trên mặt bể, nước Anh vẫn thường coi sự phong-tỏa là một lợi khí của mình có hiệu quả hơn hết đề vây hãm nước địch thủ. Người ta đã từng thấy thi-hành phương sách có công hiệu đó ở trận đại chiến 1914—1918.

Nhưng sự xuất hiện của tàu ngầm đã mang tới vết thương thứ nhất cho chủ quyền của nước Anh. Là vì tiềm thủy-dĩnh có thể lặn ra ngoài hàng tuyến-phong-tỏa để hoạt động ngoài khơi, đánh đắm những thương thuyền quý báu của địch-quốc. Tuy rằng ở trận hải chiến 1914-18 nước Anh về sau rồi cứu-vãn lại được tình thế, nhưng tiềm-thủy-dĩnh cũng đã trong bao nhiêu tháng giời lung lạc được lực-lượng của Anh.

Trận Đại-tây-dương hiện thời chỉ là một cuộc tái diễn lại trận tiềm thủy chiến trên đây nhưng bằng những phương pháp tăng lên rất nhiều, lại

thêm sự trợ lực của một yếu tố mới, vô cùng quan hệ, ấy là phi cơ. Do đó trận Đại tây dương càng thêm quan trọng.

Xuất một thế-kỷ thứ 19, dưới thời đại nữ hoàng Victoria, đế-quốc Anh đã bành trướng vô cùng. Luôn luôn tìm cách làm giàu, nước Anh đã hoán-cải một nền kinh tế, tiếp tục bỏ những ngành xuất sản về nông tác để thay vào những ngành xuất sản về kỹ-nghệ. Vì thế dân Anh phải bỏ một phần tiền làm ra được để mua thực phẩm cần thiết mà họ không xuất sản nữa, qua khắp các nước trên hoàn cầu. Hiện thời lúc bình thường nước Anh chỉ có thể nuôi được 40% dân chúng, và phải nhập cảng hầu hết các nguyên-liệu thiết dụng cho kỹ nghệ của mình. Thời chiến-tranh tình-trạng đó càng thêm nghiêm trọng vì quân đội tăng lên, nhân công về nông nghiệp bớt đi; sự nhu cầu nguyên liệu càng gấp bội. Nói tóm lại nước Anh lệ thuộc chặt chẽ mặt bể. Nếu vì lẽ gì việc giao dịch trên bể phải ngừng trệ thì nước đó phải đình chiến, lập tức hay không tùy theo số hàng tích trữ được từ trước.

Vì những lẽ trên đây mà các địch quốc cố công làm ngăn cản sự hải thương của Anh, và như thế ta càng thấy mối trọng yếu của mặt trận Đại-tây-dương.

II) Thực ra danh từ đó chỉ có một giá trị nhất thời. Là vì trước hết đã có một trận Bắc-hải, rồi một trận bể Manche, sau cùng lại thêm vào một trận Ấn-độ dương và Thái-Bình-dương. Ngày nay thì ta phải nói một trận trên các Đại-dương.

Sự bành-trướng đó là do một mưu lược trong cuộc thủy-không-chiến.

Nước Anh đã lựa địa thế để phong tỏa nước Đức. Nếu từ trước Đức quốc đã làm chủ trên bể Baltique một cách dễ dàng, thì trái lại Đức chỉ nhìn ra Bắc-Hải lược qua một cửa sổ nhỏ, và muốn ra tới Đại dương, tới những hải đạo quốc-tế, Đức phải hoặc là đi qua eo bể Pas-de-Calais, hoặc là ngược lên phía bắc xứ Ecosse. Khi xưa, hồi chỉ có tàu thuyền nổi trên mặt biển, hạm đội Anh chỉ cư

(1) Theo quyển « La Bataille de l'Atlantique » của René Jouan.

việc an-trí ở trong bến của mình, đợi hễ hạm đội Đức thò ra là đánh vào sườn hay tập hậu. Vì thế ở cuộc đại chiến trước, hải quân Đức tuy nhiên trọng mà không hoạt động được mấy. Tuy nhiên, đến lúc tàu ngầm xuất hiện, quân đội đồng-minh vì vẫn giữ được bờ biển trong đại lục, cho nên vẫn an ngữ được có hiệu-quả ở Pas-de Calais. Đường phía Bắc xứ Ecosse tuy khó giữ hơn nhưng bấy giờ quân đồng minh cũng đã ngăn cản được những lâu ô, vì chỉ có ba chiếc ra thoát hàng tuyến phong tỏa, chiếc Mœwe, ra được hai lần, chiếc Wolf, sang hoạt-động tận bờ biển Úc-đại-lợi và chiếc tàu buồm Seeadler. Duy sự chống lại tàu ngầm Anh Mỹ đã thả từ Ecosse sang tới xứ Norvège trung lập một hàng thủy-lôi vĩ đại, nhưng sự hiệu quả không mấy la vì hồi đó chỉ có bốn chiếc tiềm-thủy đỉnh bị hại.

Về cuộc chiến tranh này thì từ đầu cho mãi đến tháng Avril 1940, nước Đức chỉ giữ địa vị trông ngóng, sắp sửa những cuộc tấn công, tuy nhiên ngay lúc đó, Đức đã khởi trận Bắc-Hải trong đó tàu bay xuất hiện, đã tổ ra một binh khí vô cùng lợi hại và đã soay đổi hẳn cục diện. Phi cơ dần-dần đã tàn phá và đánh đuổi hết các chiến thuyền trên mặt biển từ trước vẫn đậu yên ở nơi căn cứ không sợ nạn tàu ngầm. Dù sự phòng không có hiệu quả đến bậc nào thì sự kinh nghiệm chứng rằng những phi cơ công-kích rồi vẫn lọt hàng phòng thủ. Chỉ có một kế cứu vãn được là chạy ra khỏi khu vực hoạt động của những phi cơ phóng pháo. Thành ra bao nhiêu những hải-cảng ở bờ biển phía Đông-Anh-đảo dần dần phải chừa sạch những chiến hạm lớn chỉ còn để lại những tàu nhỏ, khu trục hạm, tiềm thủy đỉnh và nhất là những phụ hạm, tiểu-đỉnh mau lẹ.

Lẽ tất nhiên những thương thuyền cũng bị công kích và rồi dần dần trên mặt Bắc-hải bao nhiêu thương đạo đều phải bỏ hết và phải thiên lên những miền Bắc cực.

Tuy vậy, vị-trí của Anh quốc vẫn còn lợi cho sự phòng 'oả Đức quốc. Muốn thoát khỏi phạm-vi đó và muốn tự mình tấn công ngoài mặt biển, Đức nhất định phải kéo dài chiến tuyến và làm thế nào tràn được ra ngoài bức thành mà Anh đã dựng giữa mình và đại dương. Vì thế mới có trận Nã Úy, kết quả đều lọt vào tay Đức tất cả đường duyên hải với bao nhiêu vịnh sâu của N, những địa điểm xuất trận vô cùng tốt đẹp cho lâu ô và là những nơi chủ ẩn hoàn-toàn cho những chiến hạm ngoài khơi trở về. Thế là bức thành của Anh bị tràn ở phía bắc. Kể đó tới cuộc tấn công mãnh liệt xuống Hòa-Lan và Bỉ, những sư đoàn thiết giáp òa chạy thẳng ra bờ biển để làm đứt đoạn những sư đoàn tinh nhuệ của Pháp, những đội quân Anh Bỉ, và cũng để lấy một chỗ đặt chân ở phía Nam eo Pas-de-Calais.

Sau cùng tới cuộc tấn công sang Pháp. Hòa ước đình chiến chỉ gả lại nước Pháp có một phần ba đất đai. Thành ra bao nhiêu những bờ biển ra bờ Manche, ra Đại-tây-dương thuộc phạm vi Đức, mà con đường giới tuyến đã định ra một cách dễ cho Đức lợi dụng được hết cả đạo lộ và thiết lộ đưa ra hải cảng Pháp.

Kết cục hàng tuyến phong tỏa bị vỡ. Hải chiến tuyến năm 1918 dài 300 hải lý, thì tháng Juillet 1940 dài tới 2.300 hải lý, xuất từ Cap-Nord (Bắc-Nã-Úy) cho đến Biarritz (Nam-Pháp). Những vị-trí hành binh Đức từ bao lâu vẫn thêm muốn, để khởi một trận mới nay đã đạt rồi, người ta lập tức lợi dụng.

(kỳ sau đăng tiếp)

ĐỖ ĐỨC DỤC

Mặt Trận Nga

Trận Stalingrad vẫn chưa kết liễu. Quân Đức tuy đã tiến vào thành hơn một tháng nay nhưng chưa diệt được sức kháng chiến của Nga. Mỗi một nhà là một pháo đài nhỏ phải phá vỡ mới chiếm được, tuy nhiên sức kháng chiến của quân đội Nga trong thành chỉ còn thu lại vài ba khu... như ở Barricade rouge và sườn máy «Octobre rouge» Ngày 25-10 sườn này sau năm sáu ngày kịch chiến đã bị chiếm. Quân Nga chỉ còn một lối để đưa viện binh và lương thực cho quân đội trong thành là tải qua sông Volga, dưới những trận mưa đạn và bom của pháo binh và không quân Đức. Không thể tiếp ứng ở những mặt khác được, quân Nga tấn công vào phòng tuyến Đức ở khoảng giữa sông Don và sông Volga để chia bớt lực lượng quân địch đang tiến thêm vào Stalingrad. Có tin quân Nga được thắng lợi đôi phần ở miền đó; cũng vì vậy mà thành Stalingrad còn giữ được sức kháng chiến ở một vài nơi.

Ở Caucase, quân Đức tiến thêm được ở gần hải cảng Tuaps và theo dọc sông Terek về phía miền dầu hỏa Grosnyi.

Mặt Trận Phi-Châu

Trong khi chiến tranh đã kém vẻ quan trọng ở mặt trận Nga: số phận Stalingrad chỉ còn chờ ngày kết liễu và các phòng tuyến khác đang tính việc thế thủ trong mùa đông tới, thì cục diện lại quay sang phía Phi châu mà nhiều việc đột ngột vừa xảy ra làm quan tâm cả thế giới.

Mặt trận Ai Cập bắt đầu hoạt động kịch liệt, sau ba tháng yên lặng mà đôi bên Anh và Đức Ý chỉ gây lại binh lực, cùng quấy rối sự tiếp tế của nhau. Quân Anh do tướng Alexander chỉ huy, thay tướng Auchinleck, ngày 22-10 đã khởi một cuộc tấn công không lồ vào phòng tuyến của Thống Chế Rommel bằng một triệu bộ binh, 1000 chiến xa trong khi hải quân đánh vào cửa biển Marsa Matruh. Quân Đức

chống cự mãnh liệt; cả hai bên cùng thiệt hại và cuộc chiến đấu đang tiếp tục

Đồng thời phi cơ Anh kéo đại đội sang phá các hải cảng, và thành Milan của Ý để diệt những lực lượng tiếp ứng của phe trục ở Ai Cập. Phi cơ Anh bay qua miền tự do Pháp và cả địa phận nước Thụy Sĩ là một nước trung-lập. Nước này đã phản kháng về việc đó.

Trước cuộc tấn công của tướng Alexander ở Ai Cập hai hôm một việc không ai ngờ tới là quân Mỹ đổ bộ ở Libéria, một dân quốc độc lập ở Tây Phi ngay sát nách thuộc địa Tây-Phi-Châu của Pháp và cạnh thuộc địa Sierra Leone của Anh. Lý do là quân Mỹ định lập ở bờ biển Phi châu những căn cứ dụng binh để chống lại sự tàn phá của tàu ngầm Đức. Song người ta còn đoán việc đổ bộ trên có nhẽ là một chi tiết của một cuộc hành binh vĩ đại ở Châu Phi. Việc mở một mặt trận thứ hai, cái việc đã ám ảnh tâm trí các quân sự Đồng Minh trong nửa năm nay, biết đâu đã không tới kỳ thực hành. Nhất là sau khi Nga đã tỏ thái độ phẫn uất và Mỹ đã lôi được cả các nước miền Nam vào phe Đồng Minh vì nước Chili, đã thuận khai chiến với Đức Ý. Mặt trận thứ hai khó lòng mở được ở lục địa Âu Châu vì quân Đức đã chiếm đóng hầu khắp bờ biển Tây Âu và đã xây thêm trên đó những pháo đài và chiến lũy kiên cố. Đề đi tới kết quả Đồng Minh hẳn đã nghĩ tới Châu Phi, nơi mà Anh đã có nhiều căn cứ và việc xâm chiếm những căn cứ, khác cũng dễ dàng hơn ở châu Âu. Nếu lời đoán trên mà đúng thì cuộc chiến tranh rồi đây sẽ khủng khiếp ở Ai Cập, ở Lybie, ở Soudan-Egyptien, và miền Trung Đông sẽ là cái đích mà giữa hai phe Đồng Minh và phe trục phe nào tới trước được là phe đó giữ được quyền thắng lợi cuối cùng.

Song việc lập mặt trận thứ hai ở Phi Châu sẽ gặp những nỗi khó khăn không phải là nhỏ: không phải là sức phòng thủ của quân địch nhưng là những trở lực tự nhiên. Nếu Đồng Minh không tranh được quyền bá chủ ở Địa-trung hải mà phải hành binh do bờ bể tây và nam Phi Châu thì những rừng rậm ở miền xích đạo và bãi sa mạc Sahara là những mối khó khăn đáng quan ngại cho Anh Mỹ.

Ở Pháp

Lần đầu tiên những xưởng đúc binh cụ ở Creusot bị phi cơ Anh tàn phá (17 - 10).

Cuộc tấn công của quân Anh ở Ai Cập đã gây sự thiệt hại cho Pháp. Phi cơ Anh khi bay qua địa phận Pháp để tới phá những hải cảng Ý đã vô cố ném bom và bắn súng liên thanh xuống dân sự nhiều tỉnh Pháp nhất là ở Nontlucoch: nhiều người chết và bị thương cùng nhà cửa bị đổ nát (25-10).

Việc Mỹ đổ bộ ở xứ Libéria gây một mối quan tâm cho chính phủ Vichy. Vì vậy Thống tướng

Darlan vừa đi kinh lý miền Tây Phi Châu và đọc một bản thông điệp của Quốc trưởng Pétain hô hào quân đội và dân chúng ở đó phải sẵn sàng đối phó với mọi cuộc xâm lược có thể xảy ra.

Quân Anh vẫn tiếp tục việc chiếm đảo Madagascar của Pháp trong một tháng nay sau khi đã vào kinh thành Tananarive. Quân Pháp kháng chiến mãnh liệt và đã mười hôm nay, chông gĩa được ở phía nam Ambositra.

Tổng ý Laval vừa đọc một bài diễn-văn thống thiết kêu gọi lòng ái-quốc và lẽ phải của tất cả dân Pháp: « Quyền lợi tối cao của nước Pháp bắt buộc mọi người phải theo chính sách hợp tác với nước Đức. »

Ở Đông dương

Trận bão đêm 10 Octobre đã gây một nạn lớn: chiếc tàu Laos bị đắm ở vịnh Bắc-kỳ làm thiệt mạng 58 người, 4 người Pháp và 54 người Nam. Một mối đau đớn cho 58 gia-đình. BẢO T. N. cảm động khi viếng 58 bạn xấu số và chia buồn cùng tang quyến.

Đông Dương đang sửa soạn cuộc hội chợ tổ chức cuối năm nay ở Saigon và Pnom Penn có tính cách trưng bày và khuyến khích sự hoạt động kinh-tế như cuộc hội chợ năm ngoài ở Hanoi.

Nền tiền công-nghệ được chú ý đặc biệt. Cuối tháng Novembre nay sẽ có cuộc thi tiêu-công-nghệ cho cả xứ Bắc-kỳ ở Hanoi tổ chức ở Ấu-trĩ-viên thành phố. Những thứ hàng được phần thưởng sẽ được đem bày ở hội chợ Saigon.

Ngày 7 Novembre tới hội Cựu chiến binh tổ chức ở Ấu - trĩ - viên thành phố một chợ - phiên trong bốn hôm lấy tiền vào quỹ Cứu-tế Quốc-gia. Sẽ có nhiều trò vui và đánh bạc đến 3 giờ sáng. Những kẻ máu mê cờ bạc hẳn được hài lòng,... cho dầu có phải hi sinh gia đình họ !

Viết ngày 28 Octobre 1942

V. H.

NGUYỄN XUÂN SANH DẤT THƠ'M

NHẬT KÝ

(1940 - 1941)

sẽ xuất-b in trước tết

VĂN CHƯƠNG TRONG HỘI HOA

(Tiếp theo trang 6)

định văn chương, văn chỉ có là bức tranh, chỉ có Hình và sắc chứ không thêm gì. !

Từ cổ xưa truyền lại, những mỹ công tuyệt-tác của Hội Hoa, dù có ý văn chương, tôn giáo chính trị hay luân lý đi nữa, được người đời coi là tuyệt tác, chỉ vì đã tác tạo trong ánh sáng của một nghệ thuật cao đẳng khác thường. Cái nghệ thuật ấy, lúc nào cũng chỉ là Hình hay Sắc hay cả đôi, hai nguyên liệu sinh khí của mọi bức tranh. Những dầu để vẽ dán ngoài tranh thường thường chỉ để che dầy một nghệ thuật yếu ớt, để dắt khán giả sinh văn ra khỏi đất Hội Hoa, để dễ lừa họ...

Hơn hết, xem tranh, trước khi cảm hiểu chúng ta hãy sé những cái nhãn hiệu của tranh đi, như kéo cái màn bịt kín tác phẩm để thấy mặt thật của nó.

Cũng có khi chúng ta được cái thú bất ngờ cảm những ý vị văn chương trong những họa phẩm mà dầu để chẳng văn vẻ gì, như «cái điệu đề trên chiếc ghế» hay «cái dầu bịt bằng» của

họa sĩ Van Gogh (1), nhưng trong đó ở nét bút ở màu sắc. đã biểu lộ tất cả tâm hồn hỗn loạn của một người đau khổ.

TÔ NGỌC VÂN

(1) họa-sĩ đại tài ở thế kỷ 19, người Hà lan, điên, tự-tử chết.

Tòa báo Khoa học đã dọn tới:
12 Dieu le fils. Tél. 678.

HIỆU CẠO VÀ NHÀ TẮM

PHẠM NGỌC PHÚC

3 Richaud, Hanoi
(góc phố Hàng Bông và Phủ doãn)

Lớn nhất và có tiếng là lịch sự nhất Hà-nội. Tiếp khách suốt ngày và lúc nào cũng có nước nóng.

MUỐN NÂNG CAO CÔNG NGHỆ
NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẤM

PÉDOCA 6°

Chế theo phương pháp các nhà
sản xuất Desseau và Borde-
laise, đã được phòng thí-
nghiệm công nhận Thơm và độ
Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như
G. M. R. Poincard Seyret

Làm đại-lý, viết thư về:
136 Armand Rousseau, Hanoi

ĐANG IN:

VIỆT - NAM
cổ văn-học sử

TÁC GIẢ: NGUYỄN ĐỒNG CHI
TỰA CỦA TRẦN VĂN GIÁP — LỜI
BẠT CỦA HUỖNH THỨC KHÁNG

500 trang, bìa của Nguyễn đồ Cung.
Giá. 4\$50
Bản Impérial d'Annam. Giá. . 25\$00
Bản dó lụa sông Thao. Giá. . 20\$00
Bản Super Glacée. Giá. . . . 15\$00
Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre
1942 sẽ được trừ 10% và không phải trả
tiền bưu phí.

Thư và tiền gửi về:

M. LE DIRECTEUR
HÀN-THUYỀN XUẤT BẢN CỤC
Rue Tièn Tsín — HANOI

THANH NIÊN LẬP CHỈ

(Tiếp theo trang 17)

Nhưng sự lập chỉ của chúng ta nên chú trọng nhất về tình hình của nước ta. Hơn bốn mươi năm về trước, Trung-quốc phải học-sinh đi ngoại quốc nhiều nhất là ở Hoa-kỳ bọn du học-sinh ấy sang Mỹ quên cái sứ mệnh của mình là nước nhà cử đi thì phải bổ ích cho nước nhà. Họ chỉ một mực học theo giống hệt người Mỹ. Thậm chí ở Mỹ, họ lấy tên Mỹ như là William, Joes và bỏ hẳn tên Trung-hoa. Đến lúc về nước, âm-thực, lễ nghi Trung quốc cũng không chịu được, mà cả đến tiếng Trung-hoa cũng không dùng quen... Những người ấy thật không phải là người Trung-hoa nữa...

Các anh hiện nay ở trường Đại-học Lĩnh-nam này, được học người Mỹ; và trong trường, kiến trúc trang-hoàng đều theo lối Mỹ, so với ngoài thì thật là một động tiên ở chốn trần ai. Nhân-dân Trung-quốc ta hiện đang khổ sở, ăn bữa hôm lo bữa mai, mà nước ta so với các nước ở thế giới thì nghèo yếu. Các anh hưởng cái hạnh phúc đặc biệt ở đây, trước nỗi khổ sở của đồng bào, cũng nên có lòng trắc ẩn. Mạnh-Tử nói: « Nếu không có lòng trắc-ẩn tức không phải là người ».

Các anh phải lập chỉ để mong giúp đỡ đồng bào, cải tạo quốc gia.

Các anh chớ noi gương những du học-sinh đã kể trên kia, chỉ cốt riêng mình bắt chước thật giống một cá nhân Mỹ, không nghĩ gì đến

nước nhà. Các anh phải lợi dụng cái sở học của mình mà cải tạo cả Trung-quốc được như Mỹ quốc. Ngay đứng về phương-diện tư lợi cá nhân, nếu chỉ riêng mình bắt chước được thành một người Mỹ, mà cho là đủ rồi thì cũng nhảm lắm, vì như thế ra ngoại quốc người ta vẫn khinh mình là dân một nước hèn yếu: Trai lại, nếu cải tạo toàn quốc được phủ cường thì mình không cần phải điệu bộ, ngôn ngữ giống ai mà ra ngoại quốc vẫn được người ta kính nể ».

PHÂN-QUÂN dịch

(Trích ở Tôn Trung Sơn Toàn Thư quyển 3 trang 190)

CẢI CHÍNH

Số 23 vừa rồi, về mục Danh văn Ngoại quốc, nhiều chỗ sắp chữ nhầm. Nay xin đính chính như sau :

Trang. — 16 - 17.

Cuối dòng 2 : Hai chữ « diễn giảng » đã in nhầm là diệu giảng

Giữa dòng 5 : Sau chữ « tiết diệu » sót mất dấu (.) chấm ngắt câu.

Đầu dòng 12 : Sau chữ Lỗ Tấn xin đọc nốt... (1880-1936)

Trang 30 về bên trái

Đầu dòng 4 : hai chữ « tiền truyện » xin đọc là : tiền tuyến.

Cuối dòng 17 ; Đầu hàng 18 : Hai chữ luân lý xin đọc là : lý-luận

Đầu dòng 22 : Sau hai chữ triết-học sót mất dấu (.)

Đầu dòng 24 : Sau hai chữ thi-ca sót mất dấu (.)

Đầu dòng 25, trước hai chữ thời gian, in sót mất chữ người

Trang 30 về bên phải

Đầu dòng 3 : Sau trận đấu chiến (1914...) ... xin đọc : sau trận Âu-chiến

Đầu dòng 5 : chữ *hisme* in nhầm là cubisure.

Đầu dòng 23 : Sợ chữ « ngày trước » sót mất dấu (.)

Cuối dòng 24 : Hai chữ « không thường » xin đọc : thông thường

Đầu dòng 27 : Xin đọc : diễn những trạng thái tâm lý hoặc quan niệm triết lý của xã hội hiện thời

Đầu dòng 30 : Hoạc phái xã hội xin đọc : hoặc phân xã hội.

HÃY ĐỌC

TRIẾT HỌC KANT

của NGUYỄN ĐÌNH THI

Một học thuyết mở đường cho tất cả nền triết học Tây phương hiện thời : chỗ giao nhau của triết học mới và cũ.

ĐẢ PHÁT HÀNH

VÀNG SAO

nửa CHẾ LAN HIÊN

In toàn trên giấy Vergé bouffant. Giá : 2\$50

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

≡ 49, Rue du Takou, Hanoi ≡

«đọc» sách mới

Vũ Ngọc Phan
*Nha văn hiện
đại Tân-dân* —
Lê Thanh Tú
Mở Cống-lực.

«*Nha văn
hiện đại*» của
ông Vũ Ngọc
Phan là một
cuốn sách phê
bình sẽ được
nhiều người
chú ý vì một lẽ
rất giản dị là

các nhà văn có tên trong sách, chúng ta vẫn còn quen biết ít nhiều. Nếu các ngài muốn tìm được một thiên tài mới lạ bị người đời không biết đến thì các ngài sẽ thất vọng. Ông Vũ Ngọc Phan sẽ không phát minh; ông chỉ nói đến những văn phẩm «*đã được người đồng thời chú ý*». Ông không hướng dẫn cho dư luận, ông đi theo dư luận. Bản ý của ông rất nhún nhão: định lại giá trị các tác phẩm yêu quý của độc giả hồi 1915-1930 theo những quan niệm về văn học của một số đông người Việt-nam 1942.

Sự đánh giá lại đó rất hợp lý vì tuy mới chỉ có hai, ba mươi năm thôi, mà tưởng chừng giữa các nhà văn lớp trước với chúng ta đã có ít nhiều cách biệt, không những về tư tưởng mà còn cả cách viết văn.

Người ta có thể mỉm cười khi nghe ông Nguyễn văn Vĩnh dùng giọng tuồng để dịch các cổ kịch pháp và dùng những lời nói chuyện của các nhân vật trong chuyện tây. Người ta có thể thú vị ngạc nhiên lúc thấy ông Phạm Quỳnh kinh phục một cách sốt sắng tiểu thuyết và lý thuyết của ông Henri Bordeaux và Paul Bourget lúc nghe ông Nguyễn Bá Học lấy «*hữu dụng*» và «*vô dụng*» để xếp đặt các loại văn. Nhưng ai có thể chối rằng mình không vui thích vì những đoạn chuyện lành lợi, nhẹ nhõm, rí rỏm của Tân Nam Tử, những bài khảo cứu sáng sủa, rành rọt, trang nghiêm của Thượng Chi. Và hẳn ta vẫn nhớ ơn những bài văn dịch và khảo cứu văn hóa Tàu của Nguyễn hữu Tiềm và Nguyễn Trọng Thuật; ta vẫn còn có thể rung theo nhịp đờn Tục Phổ và Đông Hồ.

Người sắc mắc có thể trách ằng nhóm nhà văn lớp trước thiếu trí sáng tạo và trí tưởng tượng. Nhưng cũng phải nên nghĩ rằng các nhà văn hồi đó tinh thần chưa định, trí còn hoang mang, có thể ví với đàn chim non lần đầu tiên thả vào quãng không chóng mặt. Nhà nho vẫn còn ở trên đầu bầu giời lồng lộng của văn hóa Tàu, dù văn hóa đó có thêm chút Khang, Lương và Bực tây học

thì chỉ mới kịp kinh ngạc vì biển rộng bao la của văn hóa Âu tây trước mặt. Nhật lấy cho nhiều đã, hái lấy cho đầy túi hăng hay. Tâm lý các nhà văn hồi đó là như thế nên văn dịch và khảo cứu thật nhiều.

Và vì thế tôi tưởng không ai xứng đáng hơn ô V. N. P. để nói đến nhóm Nam phong và nhóm Đông Dương Tạp Chí. Vũ quân đã tìm thấy cái khí hậu thích hợp với mình vì từ trước đến nay ông vẫn chuyên dịch sách, lúc này là lúc ông có thể đem kinh nghiệm để phê bình. Cho nên ông bàn và chỉ bàn về cách dịch văn của các nhà văn lớp trước một cách sắc đáng vô cùng. Ông bỏ lối phê bình đại cương mà dùng lối phân tích tỉ mỉ. Lối phê bình đó — vốn đề dạy học thì rất tốt — có một thú riêng nhưng lại có cái hại là làm tác giả phải nhắc đi nhắc lại một ý kiến và đề cho độc giả có cảm giác rằng ô. Phan không bao quát được hết văn nghiệp của người ông định nói.

Nhưng dù thế nào cuốn sách của ô. V. N. P. tất cũng để lại trong lòng độc giả vô cùng hứng thú.

—Cuốn *Tú mở* của ô. Lê Thanh cũng là một cuốn phê bình gồm có một bài phỏng vấn về thừa nhõ và thừa trẻ của thi sĩ Hồ Trọng Hiếu, trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Bình phẩm một nhà văn đương thời là một sự khó vì nhà văn còn đang tiến, khó hạn lượng được sức bay nhảy. Và lại có nhiều điều nói ra cần phải thận trọng. Ông Lê Thanh vì quá thận trọng nên lời bình phẩm của ông thiếu bề sâu sắc, và trong hai đoạn sách, — một đoạn phỏng vấn về cuộc đời văn chương của Tú-mở với một đoạn phê bình — thì đoạn trên lại còn đáng đề ý hơn nhiều (vì chúng ta ai chẳng có tính tò mò).

Nhưng cách viết văn của ông Lê Thanh có một lối đặc sắc, là ông trích những bài thơ của Tú-Mở nhiều quá và nhất là văn của ông gồm những câu rất ngắn, phần nhiều cứ hết một câu lại xuống giòng. 7ả dáng hình Tú-Mở ông viết rằng:

«Tôi muốn nhắc lại đây hình ảnh Tú Mở mà tôi đã ghi được khi tôi lại thăm ông ở biệt thự riêng của ông.

Một cái đầu khá to làm to thêm bởi một bộ tóc cứng cỏi.

Cái đầu đặt chổng chênh trên một cái cổ thừa nhiều da, thiếu nhiều mỡ cắm trên cái thân «vừa cao dong dong lại gầy gầy.»

Tôi trông thấy ông *văn văn...*»

Lối văn đặc biệt đó không nghe quen tất khó chịu và người ta có cảm giác rằng lối văn đó bị ảnh hưởng của tờ giao kèo xuất bản.

L. H. V.

KHUYẾN BẠN

(Tiếp theo trang 24)

đủ bổn-phận hiện-tại, để sửa-soạn đi tới cái khác. Đời bao giờ cũng cần có những người biết trọng phẩm-giá, có lòng tự-ái trong sự làm tròn bổn-phận. Một địa-vị tốt-đẹp hơn nữa đương đợi bạn kia, nhưng bạn phải tỏ ra cái công việc hiện-tại kia đối với bạn nó không thấm-thấp gì.

NGUYỄN-VĂN-HÀ dịch
(Saigon)

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con, các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p.60

Mandat mua báo gửi cho:

Mme THUY AN, Journal *Đàn Bà*
76, *Wiéle* — Hanoi

HỘP THƯ

Về 2 cuộc thi nhân kỳ triển lãm sách báo của nhà sách Minh-đức Thái bình. — Chúng tôi vừa được tin nhà sách Minh-đức cho chúng tôi biết đã chấm xong 2 cuộc thi: phần người lớn và trẻ em nhân kỳ tổ chức cuộc triển lãm sách báo tại Thái-bình từ 30-8 đến 30-9-42 vừa qua.

Kết quả mỹ mãn.

Báo Thanh-nghị in lại những số cũ. — Nhiều bạn hỏi in lại những số nào. Xin giả nhời chung: từ số 1 đến số 15.

Ô. Lê dặng Côn (Cần thơ) T. N. những số cũ chỉ còn số 9 số tết Nhâm-ngọ) và số 14.

Ô. Phan nguyên Đạm (Nghệ-an). Xin gửi cho bản nguyên văn của tác giả về bài dịch «Bất diệt».

Có nhiều bạn mua năm trách chúng tôi không gửi báo ngay cho khi nhận được thư mua báo. Xin các ngài biết cho rằng chúng tôi phải đợi để gửi cùng với báo mỗi kỳ xuất bản vì gửi riêng phải mất những 0\$04 tem.

Nhiều ngài lại trách không nhận được báo. Báo gửi rất đều, nếu có mất chỉ lỗi nhà giấy thép. Chúng tôi muốn sông phẳng nhưng còn phải tùy các nhân viên sở bưu chính định.

ĐÃ CÓ BÁN:

TRÊN ĐƯỜNG NGHỆ THUẬT

Văn học bình luận của Vũ ngọc Phan

Muốn viết quốc văn giỏi, muốn thành văn sĩ, muốn trở nên một độc giả sành sỏi, phải đọc cuốn này.

Dày 200 trang giá: 1\$50

MỚI CÓ BÁN:

BÀ QUẬN MỸ

Lịch sử tiểu thuyết của Chu Thiên tác giả «Bút Nghiên».

Dày 180 trang giá 1\$00

TẬP KIỀU

Tập văn giá trị của Tú Poanh có 8 phụ bản của họa sĩ Nguyễn đức Nùng:

Giá đặc biệt: 1\$00

CUỐI NĂM NHÂM-NGỌ:

Nhà Nguyễn Du sẽ trình bày cùng các bạn yêu thơ, tập:

Thu

Thơ của Đỗ cầm Văn

«Thu» là cả một bản đàn tha thiết, âm điệu tân kỳ.

«Thu» tập thơ đầu tiên của một nhà thi sĩ có nguồn cảm hứng riêng biệt.

«Thu» cuốn sách đầu trong loại sách «Đẹp» của nhà Nguyễn Du.

Bản thường: 50 Bản quý: 8\$00

NHÀ XUẤT BẢN
Dường 206^{bis}



N NGUYỄN DU
số 11, Hanoi

KẾT QUẢ HAI KỲ THI NHÂN

TRIỀN LÂM SÁCH BÁO CỦA NHÀ SÁCH MINH-ĐỨC

97-99, PHỐ CHÍNH, THÁI BÌNH TỔ CHỨC TỪ 30-8 đến 30-9-42

Ban chấm thi của nhà sách Minh-Đức đã ấn định kết quả hai cuộc thi :

Về cuộc thi phần người lớn gồm có 15 giải bằng sách báo truyện của nhà sách Minh-Đức, các nhà xuất bản như Đời-nay, Mai-linh, Tân dân, Hàn-thuyên, Hương-sơn, Đời-mới, Cộng-lực, Tân-việt, Duy-tân, Kiến-thiết, Đông-phương, Viễn-đệ (Huế), Luck (Saigon), Tuần báo Đàn-bà và Duy-tân Nguyễn danh Mỹ dit mỹ thắng...

Kết quả về thi sách có lời trình bày mỹ thuật. — Nhất về sách của nhà Đời-nay. Nhì nhà xuất bản Tân-dân. Ba Mới. Tư Mai-linh. Năm Hàn-thuyên. Sáu Tân-việt v. v...

Kết quả về bài thơ ghép các nhan đề các cuốn tiểu thuyết. — Bài thơ của ông Phan huy Hồng 119 bis Paul Doumer, Thái-bình được ban chấm thi của nhà sách Minh-Đức so nhất với các bài thi khác gửi về dự thí.

Dưới đây xin đăng nguyên văn của tác giả :

Ngày thu tiễn biệt

Nắng thu sáng láng đầy trời

Gió thu vi vút từng hơi lạnh lùng.

Sông chia hai ngã mệnh mông

Biệt nhau đôi bạn ngại ngừng chia tay.

Chợ chờn bướm trắng tung bay

Càng thêm nỗi nhớ những ngày vui xưa.

Giải nhất. — Ông Phan huy Hồng 119, Paul Doumer Thái-bình được : 2 bộ sách của Tân-Đà phần văn vần và văn xuôi của nhà sách Minh-Đức giấy thường dó làng Nghè của nhà xuất bản Đời-nay tặng. Trị giá tất cả. 40\$00

Giải nhì. — Ông Song An 30, rue Miribel Thái-bình được 4 cuốn sách sử học văn học của nhà xuất bản Mai-linh bằng giấy dó đặc biệt. Trị giá. 25\$00

Giải ba. — Ông Phạm khắc Thực làng Sơn-hạ, phủ Kiến-xương Thái-bình được 6 cuốn sách của nhà Hàn-thuyên, 6 cuốn truyện của nhà Tân dân và 10 cuốn sách của nhà xuất bản Hương-sơn tặng. Trị giá tất cả. 20\$00

Còn từ giải thứ tư đến giải thứ 15 đều có bảng kê rõ ràng dán tại nhà sách Minh-Đức, 97, Phố Chính, Thái-bình. Mỗi giải trị giá từ 3\$00 đến 10\$00.

Về cuộc thi phần trẻ em gồm có 28 giải. — 1 giải của nhà Minh-Đức. — 2 giải của nhà báo Thanh-Nghị phần văn mới. — 3 giải Cộng-Lực. — 6 giải Hàn-thuyên. — 5 giải Kiến-Thiết. — 1 giải Đông-phương. — 2 giải Đời-Mới. — 1 giải Duy-Tân. — 1 giải Tân-Dân. — 1 giải Đàn-Bà và 5 giải nhà xuất bản Sông Thương.

Kết quả cuộc thi về loại giải trí: Nhất loại giải trí của Hàn-Thuyên.

Kết quả về loại - đồng: Nhất loại báo Truyền-bá. Nhì loại sách hồng. Ba loại sách Hoa mai.

Kết quả sách — của mỗi loại: Tráng sĩ bỏ đề (giải trí Hàn-thuyên).

Phần thưởng danh dự (Truyền bá). Ông đồ bề (sách hồng). Con sáo trắng (Hoa mai). Ông bụt chùa vàng (Hoa xuâ). Đồng xu kể truyện mình (Nhị-dồng họa bản). Giết hổ báo thù cha (loại gia đình).

Giải nhất. — Cậu Nguyễn như Vũ 271 J. Piquet Thái-bình được 4 hộp vở ông nghè của nhà sách Minh-Đức tặng, và 12 cuốn sách truyện bá.

Còn giải nhì đến giải thứ 28 đều có bản kê dán tại nhà sách Minh-Đức, bắt đầu lĩnh giải từ 1er Novembre đến 30-11-1942. Các bạn ở xa đều có thơ báo tin nếu bạn nào trúng giải.